

## A. LÝ THUYẾT

### Bài 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CTTG II (1945-1949)

#### I. HỘI NGHỊ IANTA (2-1945) VÀ NHỮNG THỎA THUẬN CỦA BA CƯỜNG QUỐC

- 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai *bước vào giai đoạn kết thúc* -> hội nghị Ianta triệu tập từ ngày 4-11/2/1945, với sự tham dự của nguyên thủ ba cường quốc *Liên Xô, Mĩ, Anh*.

ND:

- + Nhanh chóng tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
- + Thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc *nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới*.
- + Thỏa thuận việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng của 3 cường quốc ở *Châu Âu, Châu Á*.

*Theo thỏa thuận Potsdam việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương được giao cho quân đội Anh vào Nam vĩ tuyến 16 và quân đội Trung Hoa Dân Quốc vào phía Bắc vĩ tuyến 16.*

=> Những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận sau đó đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới sau chiến tranh, thường gọi là *trật tự 2 cực Ianta*.

#### II. SỰ THÀNH LẬP LIÊN HỢP QUỐC

**Sự thành lập:**

Từ 25/4 - 26/6/1945, hội nghị quốc tế gồm đại biểu của 50 nước họp tại San Phranxixcô (Mĩ) đã thông qua Hiến chương và tuyên bố thành lập Liên Hợp Quốc.

**Mục đích của LHQ:**

- *Duy trì hòa bình và an ninh thế giới*; thúc đẩy phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc

**Nguyên tắc hoạt động:**

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, và Trung Quốc).

**Cơ cấu tổ chức:**

Gồm 6 cơ quan chính: Đại hội đồng; *Hội đồng Bảo an*; Hội đồng Quản thác; Hội đồng Kinh tế-Xã hội; Tòa án Quốc tế và Ban Thư kí.

**Vai trò**

- Là diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới...

**Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Hội nghị Ianta diễn ra trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai

A. *bước vào giai đoạn kết thúc*.      B. bùng nổ.      C. diễn ra ác liệt.      D. kết thúc.

**Câu 2.** Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh tại Hội nghị Ianta (2/1945)?

- A. Kết thúc chiến tranh, tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật.
- B. Thành lập tổ chức quốc tế - Liên Hợp Quốc.
- C. *Phân chia khu vực chiếm đóng và phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận*.
- D. Giải quyết các hậu quả chiến tranh, phân chia chiến lợi phẩm.

**Câu 3.** Nội dung nào sau đây không phải là quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945)?

- A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh và tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
- B. Thống nhất về việc thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- C. Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít.
- D. *Thành lập toà án quốc tế để xét xử tội phạm chiến tranh*.

**Câu 4.** Nội dung nào dưới đây không phải là vấn đề cấp bách đặt ra đối với các cường quốc Mĩ, Anh, Liên Xô đầu năm 1945?

A. Nhanh chóng đánh bại chủ nghĩa phát xít.

B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

C. Phân chia thành quả chiến thắng.

D. Kí hòa ước với các nước bại trận.

**Câu 5.** Theo thỏa thuận của các cường quốc tại Hội nghị I-an-ta (2/1945), ĐNA, Nam Á, Tây Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. các nước Đông Âu.

B. các nước phương Tây.

C. Mĩ, Anh và Liên Xô.

D. Đức, Pháp và Nhật Bản.

**Câu 6.** Hội nghị Ianta (2/1945) thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở

A. Đông Âu và Tây Âu.

B. châu Âu và Bắc Á.

C. Triều Tiên và Nhật Bản.

D. châu Âu và châu Á.

**Câu 7.** Theo thỏa thuận của các cường quốc Đồng minh tại Hội nghị Ianta (2/1945), quân đội nước nào chiếm đóng các nước Đông Âu, Đông Đức và Đông Béclin?

A. Mĩ.

B. Liên Xô.

C. Anh.

D. Pháp.

**Câu 8.** Khu vực đóng quân và phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu của Mĩ, Anh, Pháp theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945) là

A. Đông Âu, Đông Béclin và Tây Âu.

B. Đông Đức, Đông Béclin và Đông Âu.

C. Tây Đức, Tây Béclin và Tây Âu.

D. Tây Đức, Tây Béclin và Đông Âu.

**Câu 9.** Hội nghị Ianta (2/1945) quyết định quân đội chiếm đóng Nhật Bản sau khi chiến tranh kết thúc

A. Mĩ.

B. Mĩ và Liên Xô.

C. Anh, Pháp, Mĩ.

D. Mĩ, Anh.

**Câu 10.** Thỏa thuận nào của Hội nghị Pốt-đam (7/1945) đã tạo ra những bất lợi mới cho cách mạng Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Quân Anh tạo điều kiện cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Đông Dương.

B. ĐNA vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

C. Việc giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương được giao cho Anh và Trung Hoa Dân Quốc.

D. Đông Dương không thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô.

## **Bài 2: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991)** **LIÊN BANG NGA (1991- 2000)**

### **I. LIÊN XÔ**

#### **a. Công cuộc khôi phục kinh tế (1945 - 1950)**

\* *Nguyên nhân:* chiến tranh tàn phá nặng nề.

\* *Thành tựu:*

- Năm 1949, chế tạo thành công bom nguyên tử phá vỡ thế độc quyền vũ khí hạt nhân của Mĩ.

#### **b. Liên Xô tiếp tục xây dựng CNXH (từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70)**

+ *Công nghiệp:* trở thành cường quốc công nghiệp *thứ hai thế giới* (sau Mỹ).

+ *KHKT:* 1957 phóng thành công vệ tinh nhân tạo; 1961 phóng tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái đất.

+ *Đối ngoại:* Liên Xô thực hiện chính sách bảo vệ hòa bình thế giới, ủng hộ phong trào giải phóng cách mạng thế giới.

### **III. LIÊN BANG NGA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000**

- Từ sau 1991, Nga là quốc gia “*kế tục*” Liên Xô trong quan hệ quốc

- *Đối ngoại:* một mặt *ngả về phương Tây* nhưng kết quả không như ý muốn, mặt khác phát triển các mối quan hệ với các nước *Châu Á* (ASEAN, Trung Quốc,...)

- Từ năm 2000, V.Putin lên làm tổng thống, nước Nga có nhiều biến chuyển khả quan, địa vị quốc tế được nâng cao.

#### **Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Sự kiện nào đánh dấu chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước (Liên Xô) và bước đầu trở thành hệ thống thế giới?

A. Sự ra đời của các nước XHCN Đông Âu.

B. Sự ra đời của nước Cộng hòa Ấn Độ.

C. Sự ra đời nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

D. Sự ra đời của Cộng hòa nhân dân Lào.

**Câu 2.** Trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô những năm 50, 60 và nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX, thành tựu có ý nghĩa lớn nhất là

A. trở thành cường quốc công nghiệp *thứ 2 thế giới*.

B. chế tạo thành công bom nguyên tử.

C. phóng tàu vũ trụ Phương Đông. D. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

**Câu 3.** Năm 1949, Liên Xô đạt được thành tựu nào sau đây?

- A. trở thành cường quốc công nghiệp thứ 2 thế giới. B. chế tạo thành công bom nguyên tử.  
C. phóng tàu vũ trụ Phương Đông. D. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

**Câu 4.** Năm 1957, quốc gia đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo là

- A. Liên Xô. B. Mĩ. C. Ấn Độ. D. Trung Quốc.

**Câu 5.** Từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô thực hiện nhiệm vụ

- A. khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh.  
B. tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.  
C. củng cố, hoàn thiện hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội.  
D. thành lập và phát triển Hội đồng tương trợ kinh tế.

**Câu 6.** Việc Liên Xô phóng thành công con tàu vũ trụ (1961) đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái đất đã

- A. khẳng định sức mạnh vượt bậc về khoa học-kỹ thuật.  
B. mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.  
C. phá vỡ thế độc quyền về vũ khí nguyên tử của Mĩ.  
D. chứng tỏ Liên Xô là một quốc gia có tiềm lực mạnh.

**Câu 7.** Trong đường lối xây dựng CNXH ở Liên Xô, các nhà lãnh đạo đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng nào?

- A. Không xây dựng nhà nước công nông vững mạnh.  
B. Chủ quan duy ý chí, thiếu công bằng dân chủ, vi phạm pháp chế XHCN.  
C. Không chú trọng văn hoá, giáo dục, y tế.  
D. Ra sức chạy đua vũ trang, không tập trung vào phát triển kinh tế.

**Câu 8.** Sau khi Liên Xô sụp đổ (1991), Nga trở thành quốc gia

- A. độc lập như những quốc gia khác. B. "kế tục" Liên Xô.  
C. nắm mọi quyền hành ở Liên Xô. D. Liên bang Xô Viết.

**Câu 9.** Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga được kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại

- A. các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước Liên Xô.  
B. các nước cộng hoà trong Liên bang Xô viết và các cơ quan ngoại giao.  
C. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các cơ quan ngoại giao ở nước ngoài.  
D. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản.

**Câu 10.** Sự sụp đổ CNXH ở Liên Xô năm 1991 tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

- A. Làm sụp đổ trật tự hai cực Ianta và trật tự thế giới mới đang dần hình thành.  
B. Hình thành trật tự thế giới đơn cực do Mĩ đứng đầu.  
C. Hình thành nên trật tự đa cực.  
D. Phong trào cách mạng thế giới mất chỗ dựa.

**Câu 11.** Theo Hiến pháp năm 1993, Liên bang Nga theo chế độ

- A. Tổng thống Liên bang. B. Cộng hòa Liên bang.  
C. Dân chủ tư sản. D. Quân chủ lập hiến.

**Câu 12.** Sau khi Liên Xô tan rã, thời gian đầu Nga thực hiện chính sách ngả về phương Tây với hi vọng

- A. muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới.  
B. nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.  
C. khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.  
D. tránh được thế bị bao vây cấm vận về kinh tế.

**Câu 13.** Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là ngả về phương Tây, khôi phục và phát triển quan hệ với các nước ở

- A. Châu Á. B. châu Âu. C. châu Phi. D. châu Mĩ.

**Câu 14.** Từ năm 1996 đến năm 2000, kinh tế Liên Bang Nga

- A. kém phát triển và suy thoái. B. phát triển với tốc độ cao.  
C. lâm vào trì trệ, khủng hoảng. D. có sự phục hồi và phát triển.

**Câu 15.** Sự sụp đổ CNXH ở Liên Xô năm 1991, Việt Nam rút ra bài học kinh nghiệm gì?

- A. Tôn trọng quy luật phát triển kinh tế khách quan.

- B. Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng cộng sản.  
 C. Cảnh giác âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.  
 D. Thực hiện dân chủ và công bằng xã hội.

### **Bài 3: CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á**

#### **I. Những nét chung về khu vực Đông Bắc Á**

- Sau 1945 có nhiều biến chuyển.
- + Tháng 10.1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước CHND Trung Hoa ra đời. Cuối thập niên 90, Hồng Kông và Ma Cao cũng trở về với Trung Quốc (trừ Đài Loan).
- + Năm 1948, trong bối cảnh chiến tranh lạnh, bán đảo Triều Tiên đã bị chia cắt thành hai miền theo vĩ tuyến 38: Đại Hàn dân quốc ở phía Nam và CHDCND Triều Tiên ở phía Bắc. Sau chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953), vĩ tuyến 38 vẫn là ranh giới phân chia hai nhà nước trên bán đảo.
- + Trong “bốn con rồng châu Á” thì Đông Bắc Á có đến ba (Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan).
- + Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.
- + Trung Quốc cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI có sự tăng trưởng nhanh và cao nhất thế giới.

#### **II. Trung Quốc**

##### **1. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 - 1959)**

###### *a. Sự thành lập:*

- Sau chiến tranh chống Nhật, từ 1946 - 1949, diễn ra cuộc nội chiến giữa Quốc dân Đảng và ĐCS.
- Ngày 1/10/1949, nước CHND Trung Hoa được thành lập, do Mao Trạch Đông đứng đầu.
- Ý nghĩa:
  - + Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên CNXH
  - + Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc .
  - + *Làm thay đổi sâu sắc bản đồ chính trị thế giới, CNXH trở thành hệ thống trải dài từ Tây sang Đông.*

##### **3. Công cuộc cải cách mở cửa từ năm 1978**

###### *\* Đường lối cải cách – mở cửa:*

- 12/1978, Đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã đề ra đường lối cải cách mở cửa.
- Nội dung: **Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm**, tiến hành cải cách mở cửa, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN, tiến hành hiện đại hoá nhằm mục tiêu biến Trung Quốc thành một quốc gia *giàu mạnh, dân chủ và văn minh*.

###### *\* Thành tựu:*

- KHKT: đạt nhiều thành tựu nổi bật như phóng thành công tàu “Thần Châu 5” (2003) đưa nhà du hành vũ trụ Dương Lợi Vĩ bay vào không gian.
- TQ thu hồi chủ quyền đối với Hồng Công (1997) và Ma Cao (1999). Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ TQ, nhưng đến nay vẫn nằm ngoài sự kiểm soát của nước này.

#### **Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, bán đảo Triều Tiên bị chia cắt thành hai miền, lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới, dựa trên cơ sở nào?

- A. Quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945).      B. Quyết định của các nước tư bản chủ nghĩa.  
 C. Quyết định của Liên Xô.                              D. Thông qua trưng cầu dân ý trên bán đảo Triều Tiên.

**Câu 2.** Biến đổi nào ở khu vực Đông Bắc Á sau chiến tranh thế giới thứ hai đã góp phần làm thay đổi bản đồ địa – chính trị thế giới ?

- A. Hàn Quốc, Hồng Kông và Đài Loan trở thành “con rồng” kinh tế châu Á.  
 B. Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.  
 C. Hàn Quốc trở thành “con rồng” kinh tế nổi bật nhất của khu vực Đông Bắc Á.  
 D. Nhật Bản đạt được sự phát triển “thần kỳ”, trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

**Câu 3.** Theo thoả thuận của Hội nghị Ianta (2/1945), việc chiếm đóng phía Bắc vĩ tuyến 38 trên bán đảo Triều Tiên được giao cho

- A. quân đội Mĩ.    B. quân đội Liên Xô.  
 C. quân đội Trung Hoa Dân quốc.                              D. quân đội Anh.

**Câu 4.** Theo thoả thuận của Hội nghị Ianta (2/1945), việc chiếm đóng phía Nam vĩ tuyến 38 trên bán đảo

Triều Tiên được giao cho

A. quân đội Liên Xô.

B. quân đội Trung Hoa Dân quốc.

C. quân đội Mỹ.

D. quân đội Anh.

**Câu 5.** Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, bán đảo Triều Tiên có sự biến đổi chính trị nào?

A. Hình thành hai nhà nước: Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên.

B. Tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

C. Mỹ can thiệp sâu vào Triều Tiên.

D. Diễn ra cuộc khủng hoảng hạt nhân.

**Câu 6.** Từ những năm 80 - 90 của thế kỉ XX, quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng nhanh và cao nhất thế giới là

A. Nhật Bản.

B. Đài Loan.

C. Hàn Quốc.

D. Trung Quốc.

**Câu 7.** Từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến giữa

A. Đảng dân chủ và Quốc dân Đảng.

B. Đảng dân chủ và Đảng Cộng sản.

C. Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản.

D. Quốc dân đảng với Đảng tự do.

**Câu 8.** Đối với Trung Quốc, sự ra đời nước CHND Trung Hoa (10/1949) có ý nghĩa như thế nào?

A. Đánh dấu cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở TQ đã hoàn thành triệt để.

B. Lật đổ chế độ pk, đưa TQ bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do.

C. Đưa TQ trở thành nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở châu Á.

D. Đưa TQ bước vào kỉ nguyên độc lập tự do, tiến lên CNXH.

**Câu 9.** Một trong những ý nghĩa quốc tế của sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1-10-1949)

A. cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Bắc Á.

B. làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống trên thế giới.

C. ảnh hưởng sâu sắc phong trào gpdn trên thế giới.

D. làm giảm tình trạng căng thẳng của cục diện Chiến tranh lạnh.

**Câu 10.** Những nước (vùng lãnh thổ) ở Đông Bắc Á được mệnh danh là “con rồng” ở châu Á là

A. Hàn Quốc, Trung Quốc và Hồng Kông.

B. Hàn Quốc, Nhật Bản và Đài Loan.

C. Hàn Quốc, Đài Loan và Hồng Kông.

D. Hàn Quốc, Trung Quốc và Đài Loan.

#### **Bài 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ**

##### **I. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á**

##### **1. Sự thành lập các quốc gia độc lập sau chiến tranh thế giới thứ hai**

##### **a. Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập**

- Trước CTTG II, hầu hết các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa (trừ Thái Lan).

- Năm 1945, các nước *Indonêxia*, *Việt Nam* và *Lào* giành độc lập.

##### **b. Lào (1945 - 1975)**

- 12/10/1945: Chính phủ Lào tuyên bố độc lập.

- Từ 1946 -1975: kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) và đế quốc Mỹ (1954 -1975).

Tháng 2/1973, Hiệp định Viêng Chăn về lập lại hoà bình và hoà hợp dân tộc ở Lào được kí kết.

- 2/12/1975: nước CHDCND Lào được thành lập, mở ra kỉ nguyên xây dựng và phát triển của đất nước.

##### **c. Campuchia (1945 – 1993)**

- 1945 – 1954: kháng chiến chống Pháp.

- 1954 – 1970: *hòa bình, trung lập*, không tham gia các khối liên minh quân sự.

- 1970-1975: kháng chiến chống Mỹ.

- 1975-1979: chống tập đoàn Khơme đỏ.

- 1979-1993: nội chiến.

##### **2. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á**

##### **a. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN**

- Gđ đầu *công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu*.

- Từ những năm 60 – 70, *chiến lược công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo*.

Hoàn cảnh ra đời:

- Nhu cầu hợp tác với nhau để cùng phát triển.

- Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

- Các tổ chức hợp tác khu vực trên thế giới ngày càng nhiều...

-> 8/8/1967 Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (T.Lan) gồm 5 nước: *Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Philippin, Thái Lan.*

Mục tiêu: hợp tác **kinh tế và văn hoá** trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

Những thành tựu chính của ASEAN

- Tháng 2/1976, kí *Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở ĐNA* (Hiệp ước Bali) nhằm xác định những *nguyên tắc* cơ bản trong quan hệ giữa các nước. (Đánh dấu sự khởi sắc của ASEAN)

- 2007, kí Hiến chương Asean=> cộng đồng vững mạnh.

## II. ẤN ĐỘ

### 1. Cuộc đấu tranh giành độc lập

- Lãnh đạo: Đảng Quốc Đại

- Năm 1947: Trên cơ sở tôn giáo (phương án “Maobátton”), Anh chia Ấn Độ thành 2 nhà nước tự trị (Ấn Độ và Paskitan).

- Không thỏa mãn với quy chế tự trị, nhân dân tiếp tục đấu tranh.

- 26/1/1950: Cộng hòa Ấn Độ ra đời=> Đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân ẤĐ. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

### 2. Công cuộc xây dựng đất nước

- **Nông nghiệp:** tiến hành cuộc “*cách mạng xanh*” trong nông nghiệp => kết quả: Ấn Độ đã tự túc được lương thực; từ năm 1995 là nước xuất khẩu gạo đứng thứ 3 trên thế giới

- **Công nghiệp:** trong những năm 80 đứng thứ 10 trong những nước sản xuất công nghiệp lớn nhất thế giới.

- **KHKT:** Cuộc “*cách mạng chất xám*” đã đưa Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới.

- **Đối ngoại:** theo đuổi **chính sách hòa bình, trung lập tích cực**, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc; 7-1-1972 đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

### Trắc nghiệm:

**Câu 1.** Các nước ĐNA đứng lên đấu tranh giành được độc lập trong điều kiện thời cơ nào?

A. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

B. Nhật đầu hàng quân đồng minh.

C. Đức đầu hàng quân đồng minh.

D. Nhật thất bại liên tiếp ở Châu Á Thái Bình Dương.

**Câu 2.** Những quốc gia Đông Nam Á tuyên bố độc lập trong năm 1945 là

A. *Indônêxia, Việt Nam, Lào.*

B. Campuchia, Malaixia, Brunây.

C. Indônêxia, Xingapo, Malaixia.

D. Miến Điện, Việt Nam, Philippin.

**Câu 3.** Sự kiện đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương là

A. chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ở Việt Nam năm 1954.

B. chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” ở Việt Nam năm 1972.

C. Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam được kí kết.

D. *Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết.*

**Câu 4.** Ở khu vực Đông Nam Á, quốc gia nào được mệnh danh “con rồng” kinh tế châu Á?

A. Thái Lan.

B. Malaixia.

C. *Xingapo.*

D. Indônêxia

**Câu 5.** Những nước tham gia thành lập Hiệp hội các nước Đông Nam Á tại Băng Cốc (8/1967)?

A. Việt Nam, Philippin, Xingapo, Thái Lan, Indonexia.

B. Philippin, Xingapo, Thái Lan, Indonexia, Brunây.

C. *Philippin, Xingapo, Thái Lan, Indônexia, Malaixia.*

D. Malaixia, Philippin, Mianma, Thái Lan, Indonexia.

**Câu 6.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời nhằm

A. giảm bớt sức ép của các nước lớn và hạn chế ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội.

B. *phát triển kinh tế, văn hoá trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.*

C. hợp tác giữa các nước tạo nên cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh.

D. xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, tự do, trung lập.

**Câu 7.** Sự khởi sắc của ASEAN được đánh dấu bằng sự kiện nào sau đây?

A. *Hội nghị cấp cao lần thứ nhất họp tại Bali.*

B. Thời kì quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN được cải thiện.

C. Brunây gia nhập và trở thành thành viên thứ sáu của ASEAN.

D. Năm 1997 Lào và Mianma gia nhập ASEAN.

**Câu 8.** Nội dung cơ bản Hiệp ước Bali (2-1976) là

A. tuyên bố thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

B. xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

C. thông qua nội dung cơ bản của Hiến chương ASEAN.

D. tuyên bố thành lập cộng đồng ASEAN.

**Câu 9.** Nội dung nào sau đây **không phải** là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN?

A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

B. Nguyên tắc nhất trí giữa 5 nước thành viên sáng lập ASEAN.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

**Câu 10.** Nguyên tắc hoạt động nào sau đây của tổ chức ASEAN **khác** với nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của các nước.

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

C. Không sử dụng hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.

D. Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình.

**Câu 11.** Nhằm xây dựng một cộng đồng ASEAN có vị thế cao và hiệu quả hơn, năm 2007, các nước ASEAN đã kí kết văn kiện

A. Hiệp định hoà bình về Campuchia.

B. Hiến chương ASEAN.

C. Hiệp ước thân thiện và hợp tác.

D. Tuyên bố của ASEAN.

**Câu 12.** Tháng 8-1967, Hiệp hội các quốc gia ĐNA thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào?

A. Toàn cầu hóa.

B. Liên kết khu vực.

C. Hòa hoãn Đông – Tây.

D. Đa cực, nhiều trung tâm.

## BÀI 5: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ-LATINH

### I. CÁC NƯỚC CHÂU PHI

- Phong trào phát triển mạnh ở khu vực *Bắc Phi*.

- Năm 1960, được ghi nhận là “*năm châu Phi*” với 17 nước giành độc lập.

- Năm 1975, cách mạng Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la giành thắng lợi -> đánh dấu sự sụp đổ *căn bản* của Chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi.

- Năm 1990, Namibia tuyên bố độc lập. *Chủ nghĩa thực dân cũ hoàn toàn sụp đổ* => **Lục địa mới trở dậy.**

+ Ở Nam Phi (1993) ban hành Hiến pháp chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc (Apartheid) . Nenzon Mandêla đã trở thành tổng thống da đen đầu tiên tại Nam Phi.

### II. CÁC NƯỚC MĨ LATINH

- Sau CTTG II, Mĩ tìm cách biến Mĩ Latinh thành “**sân sau**” của mình bằng cách xây dựng **chế độ độc tài thân Mĩ**.

- 1/1/1959, cách mạng Cuba thắng lợi đã lật đổ chế độ độc tài Batixta, thành lập nước Cộng hòa Cuba, do Phiđen Catxtorô đứng đầu.

- Từ thập niên 60 – 70, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ ở khu vực này ngày càng phát triển và giành nhiều thắng lợi.

- Hình thức đấu tranh phong phú => *Mĩ La tinh trở thành “lục địa bùng cháy”*. Họ lần lượt lật đổ chế độ độc tài phản động giành lại chủ quyền dân tộc.

#### **Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Phong trào đấu tranh chống thực dân phương Tây ở châu Phi bùng nổ sớm nhất tại

A. Nam Phi.

B. Tây Phi.

C. Đông Phi.

D. Bắc Phi.

**Câu 2.** Vì sao năm 1960 được gọi là “*Năm châu Phi*”?

A. Tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.

B. Hệ thống thuộc địa của đế quốc tan rã.

C. Có 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.

D. Chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.

**Câu 3.** Sự kiện đánh dấu chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó **cơ bản** bị tan rã ở châu Phi?

A. Năm 1960, “*Năm châu Phi*”.

B. Năm 1962, Angiêri giành được độc lập.

C. Năm 1975, nước cộng hòa nhân dân Ang-gô-la ra đời.

D. Năm 1994, Nen xon Men-đê-la trở thành tổng thống.

**Câu 4.** Sự kiện đánh dấu châu Phi **hoàn thành** cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ

A. *Namibia tuyên bố độc lập* (1990).

B. An-giê-ri tuyên bố độc lập (1962).

C. Ăng-gô-la tuyên bố độc lập (1975).

D. Ai Cập tuyên bố độc lập (1953).

**Câu 5.** Trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, châu Phi được mệnh danh là

A. "Hòn đảo tự do".

B. "Lục địa mới trời dậy".

C. "Đại lục núi lửa".

D. "Lục địa cháy".

**Câu 6.** Sự kiện nào đánh dấu việc chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi?

A. Đế quốc Anh rút khỏi Nam Phi.

B. *Hiến Pháp năm 1993 của Nam Phi được thông qua.*

C. Nen xon Mandêla được bầu làm tổng thống.

D. Nen xon Mandêla được trả tự do.

**Câu 7.** Tổng thống da đen đầu tiên của cộng hòa Nam Phi là?

A. Raun Cátxtorô.

B. *Nenxon Mandêla.*

C. Phiden Cátxtorô.

D. Chê Ghê vara.

**Câu 8.** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ có âm mưu gì đối với khu vực Mỹ Latinh?

A. *Biến Mỹ latinh thành "sân sau" của mình.*

B. Lôi kéo Mỹ latinh vào khối quân sự do Mỹ đứng đầu.

C. Tiến hành lật đổ chính quyền ở Mỹ Latinh.

D. Không chế các nước Mỹ Latinh.

**Câu 9.** Sau Chiến tranh thế giới hai, Mỹ tìm cách biến khu vực Mỹ Latinh thành "sân sau" của mình bằng cách

A. giúp cho các nước bảo vệ nền độc lập.

B. *xây dựng chế độ độc tài thân Mỹ ở nhiều nước.*

C. giúp đỡ về kinh tế - tài chính.

D. xây dựng các căn cứ quân sự.

**Câu 10.** Phong trào đấu tranh được coi là "lá cờ đầu" của cách mạng Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là cách mạng

A. Côlômbia.

B. *Cuba.*

C. Mêhicô.

D. Braxin.

**Câu 11.** Lãnh đạo cách mạng Cuba chống chế độ độc tài Ba-tix-ta là từ 1953 đến 1959 là

A. Nenxon Mandêla.

B. *M. Ganđi.*

C. *Phiden Cátxtorô.*

D. G. Nêru.

**Câu 12.** Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới, Mỹ - Latinh đã được mệnh danh là:

A. "Hòn đảo tự do".

B. "Lục địa mới trời dậy"

C. *"Lục địa bùng cháy".*

D. "Lục địa đen trời dậy".

## BÀI 6: NƯỚC MỸ

### 1. Sự phát triển của nền kinh tế, khoa học - kĩ thuật

#### \* *Sự phát triển của nền kinh tế*

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ .

-> *Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới .*

#### *Nguyên nhân phát triển :*

+ Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ KHKT cao, năng động, sáng tạo.

+ Mỹ lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi từ buôn bán vũ khí.

+ Áp dụng thành công những tiến bộ KHKT để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

+ Các tổ hợp công nghiệp – quân sự, các công ty, tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và có hiệu quả cao.

+ Do chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước.

#### \* **Về khoa học kĩ thuật :**

- Mỹ là nước *khởi đầu* cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

### 2. Chính sách đối ngoại

#### a. *Chiến lược toàn cầu*

- Sau CTTG II, Mỹ triển khai *Chiến lược toàn cầu* với tham vọng làm bá chủ thế giới.

- **Mục tiêu:**



- + Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xoá bỏ CNXH trên thế giới.
- + Đàn áp các phong trào cách mạng thế giới.
- + Không chế và chi phối các nước đồng minh.

**- Biện pháp:**

- + Khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh.
- + Tiến hành nhiều cuộc bạo loạn, đảo chính và các cuộc chiến tranh xâm lược, tiêu biểu là cuộc chiến tranh VN (1954 – 1975)
- + Mĩ còn thực hiện sách lược hoà hoãn với các nước lớn XHCN như: Trung Quốc, Liên Xô để chống lại phong trào cách mạng thế giới.

**b. Chiến lược Cam kết và mở rộng**

- Sau Chiến tranh lạnh, chính quyền Tổng thống Bill Clinton đề ra *Chiến lược Cam kết và mở rộng*.

**- Mục tiêu:**

- + Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
  - + Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mĩ.
  - + Sử dụng khẩu hiệu “*Thúc đẩy dân chủ*” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.
- Mục tiêu bao trùm của Mĩ là *muốn thiết lập trật tự thế giới “đơn cực”*, trong đó Mĩ trở thành siêu cường duy nhất, đóng vai trò lãnh đạo thế giới.

**Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Trong hai mươi năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là

- A. trung tâm kinh tế, tài chính lớn nhất thế giới.                      B. trung tâm nghiên cứu vũ trụ lớn nhất thế giới.  
C. trung tâm công nghiệp quân sự lớn nhất thế giới.                D. trung tâm xuất khẩu tư bản lớn nhất thế giới.

**Câu 2.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là nước TBCN giàu mạnh nhất thế giới, vì

- A. Mĩ là nước duy nhất sản xuất được bom nguyên tử.                B. Mĩ có thực lực về kinh tế và quân sự.  
C. là nước đứng đầu về tổng sản phẩm kinh tế thế giới.              D. đứng đầu về dự trữ vàng của thế giới.

**Câu 3.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Các chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước.  
B. Áp dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại.  
C. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú.  
D. Chi phí cho quốc phòng trong tổng ngân sách thấp.

**Câu 4.** Trong các nguyên nhân đưa nền kinh tế Mĩ phát triển, nguyên nhân nào quyết định nhất ?

- A. Nhờ áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật.                      B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.  
C. Nhờ trình độ tập trung sản xuất, tập trung tư bản cao.              D. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.

**Câu 5.** Chính sách đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai từ năm 1945 đến năm 1973?

- A. Chi phối các tổ chức quốc tế và các liên minh quân sự.  
B. Triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.  
C. Từng bước can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.  
D. Chống Liên Xô và các nước chủ nghĩa xã hội Đông Âu.

**Câu 6.** Mục tiêu chủ yếu của Mĩ trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu là

- A. làm sụp đổ hoàn toàn CNXH trên thế giới.  
B. phát động Chiến tranh lạnh.  
C. can thiệp trực tiếp vào các cuộc chiến tranh xâm lược trên thế giới.  
D. cản trở Tây Âu, Nhật Bản trở thành trung tâm kinh tế thế giới.

**Câu 7.** Mục tiêu chiến lược toàn cầu của Mĩ đối với các nước TBCN là

- A. hoà hoãn, thỏa hiệp.    B. luôn là đối thủ cạnh tranh.  
C. ngăn chặn và tiến tới xoá bỏ.    D. không chế, chi phối.

**Câu 8.** Trong thời kì Chiến tranh lạnh, mưu đồ của Mĩ đối với phong trào cách mạng thế giới là

- A. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, công nhân và cộng sản quốc tế.  
B. hoà hoãn với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế.  
C. đầu tư vào các nước thuộc địa, phát triển tập đoàn tư bản ở nước ngoài.  
D. dùng sức mạnh kinh tế để chia rẽ phong trào cách mạng thế giới.

**Câu 9.** Một trong những biện pháp của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã dẫn đến tình trạng đối đầu

căng thẳng với Liên Xô và các nước XHCN, đó là

- A. Mĩ trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược nhiều nơi.
- B. Mĩ khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh.
- C. Mĩ gây ra những cuộc đảo chính, bạo loạn ở nhiều nơi.
- D. Mĩ dính líu vào những cuộc xung đột ở nhiều nơi.

**Câu 10.** Trong thập niên 80 của thế kỉ XX, Mĩ triển khai học thuyết Rigân và chiến lược “Đổi đầu trực tiếp” nhằm

- A. khắc phục những khó khăn, suy yếu của Mĩ thời kì “sau Việt Nam”.
- B. Mĩ trực tiếp đối đầu với Liên Xô và làm sụp đổ hệ thống XHCN.
- C. can thiệp vào hầu hết các công việc quốc tế ở các địa bàn chiến lược.
- D. đe dọa bằng vũ lực đối với phong trào giải phóng của các dân tộc trên thế giới.

**Câu 11.** Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự thế giới mới chưa định hình, Mĩ đã triển khai chiến lược

- A. “Phản ứng linh hoạt”.
- B. “Cam kết và mở rộng”.
- C. “Ngăn đe thực tế”.
- D. “Đổi đầu trực tiếp”.

**Câu 12.** Thủ đoạn Mĩ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác được đề ra trong « Chiến lược cam kết và mở rộng » là

- A. tự do tín ngưỡng.
- B. ủng hộ độc lập dân tộc.
- C. thúc đẩy dân chủ.
- D. chống chủ nghĩa khủng bố.

**Câu 13.** Trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” (được triển khai trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX), Mĩ coi trọng việc tăng cường

- A. trợ giúp cho nền kinh tế các nước tư bản đồng minh phát triển.
- B. ứng dụng khoa học-công nghệ để phát triển năng lực sản xuất.
- C. hợp tác về kĩ thuật với các nước đồng minh để phát triển kinh tế.
- D. khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ.

**Câu 14.** Trong các nội dung sau, nội dung nào **không** nằm trong chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Tổng thống Mĩ B.Clin-ton (được triển khai trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX)?

- A. Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao.
- B. Tăng cường phát triển khoa học- kĩ thuật quân sự bảo đảm tính hiện đại về vũ trang.
- C. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ.
- D. Sử dụng khẩu hiệu "Dân chủ" ở nước ngoài để can thiệp vào nội bộ của nước khác.

**Câu 15.** Yếu tố nào thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mĩ khi bước sang thế kỉ XXI?

- A. Chủ nghĩa khủng bố.
- B. Chủ nghĩa li khai.
- C. Sự suy thoái về kinh tế.
- D. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.

**Câu 16.** Việc Mĩ triển khai “Kế hoạch Mác-san” có tác động đến quan hệ quốc tế ở châu Âu như thế nào?

- A. Tạo sự đối lập về quân sự giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô và Đông Âu.
- B. Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Tây Âu với Đông Âu.
- C. Tạo sự liên kết kinh tế giữa Mĩ và Tây Âu với Đông Âu.
- D. Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô.

## BÀI 7 - TÂY ÂU (1945-2000)

### 1. Sự phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật

- Nhờ sự viện trợ của Mĩ đến 1950 kinh tế phục hồi và đạt mức trước chiến tranh.
- Từ đầu những năm 50 -70, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính TG.

**Những nhân tố dẫn đến sự phát triển kinh tế Tây Âu:**

- + Các nước Tây Âu áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng KH-KT.
- + Vai trò của nhà nước trong việc quản lí và điều tiết nền kinh tế.
- + Các nước Tây Âu đã tận dụng các cơ hội từ bên ngoài như nguồn viện trợ Mĩ, sự hợp tác trong cộng đồng châu Âu (EC )...

### 2. Chính sách đối ngoại

- Các nước Tây Âu tham gia “Kế hoạch Mác-san”; gia nhập khối NATO (4/1949) nhằm chống Liên Xô và các nước XHCN.

- Từ 1950 đến 1973 một mặt vẫn *liên minh chặt chẽ với Mỹ mặt khác đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.*
- 8/1975, các nước Tây Âu cùng Liên Xô, Đông Âu, Mỹ và Canada kí kết *Định ước Henxinki* về an ninh và hợp tác châu Âu. Tình hình căng thẳng ở châu Âu đã dịu đi rõ rệt.

### 3. Liên minh Châu Âu (EU)

\* *Quá trình hình thành và phát triển:*

- 1951 thành lập cộng đồng than thép Châu Âu gồm 6 nước.
- 1957 với hiệp ước Rôma được kí kết, thành lập “cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu” và “cộng đồng kinh tế Châu Âu” (EEC)
- 1967 hợp nhất ba tổ chức trên thành “Cộng đồng Châu Âu”(EC)
- 1/1993, EC đổi tên thành *Liên minh Châu Âu* (EU) với số lượng thành viên lên tới 27 nước (2007).

\* *Mục đích:* EU ra đời không chỉ nhằm **hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.**

\* *Thành tựu:* Liên minh châu Âu là tổ chức **liên kết khu vực về chính trị, kinh tế lớn nhất hành tinh chiếm hơn ¼ GDP của thế giới.**

#### Trắc nghiệm:

**Câu 1.** Khi thực hiện “Kế hoạch Mác-san” để giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ còn có mục đích

- A. từng bước chiếm lĩnh thị trường Châu Âu.
- B. *tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô, Đông Âu.*
- C. thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế ở khu vực Tây Âu.
- D. xoa dịu mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước tư bản ở Tây Âu.

**Câu 2.** Giai đoạn 1950 -1973, nhiều nước tư bản Tây Âu một mặt tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ, mặt khác

- A. *đa dạng hóa, đa phương hóa hơn nữa quan hệ đối ngoại.*
- B. tập trung phát triển quan hệ hợp tác với các nước Mỹ Latinh.
- C. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á.

**Câu 3.** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Tây Âu và Nhật Bản có gì khác biệt trong quan hệ với Mỹ?

- A. Tây Âu và Nhật luôn quan hệ chặt chẽ và là đồng minh của Mỹ.
- B. *Nhật liên minh chặt chẽ với Mỹ, Tây Âu tìm cách thoát dần ảnh hưởng của Mỹ.*
- C. Tây Âu liên kết chặt chẽ với Mỹ, Nhật tìm cách thoát dần khỏi sự ảnh hưởng của Mỹ.
- D. Tây Âu và Nhật liên kết với Mỹ chống lại Liên Xô và các nước XHCN.

**Câu 4.** Thành tựu lớn nhất mà các nước Tây Âu đạt được trong những năm 50- 70 của TK XX là

- A. *trở thành một trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.*
- B. chi phối toàn bộ thế giới về chính trị, kinh tế.
- C. ngăn chặn được sự ảnh hưởng của CNXH lan ra toàn thế giới.
- D. cùng với Liên Xô phóng nhiều vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo trái đất.

**Câu 5.** Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân phát triển kinh tế của Tây Âu giai đoạn 1950 – 1973?

- A. Áp dụng thành tựu cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- B. Vai trò Nhà nước trong việc quản lí và điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
- C. *Mỹ bảo trợ, đầu tư phát triển các ngành dân dụng.*
- D. Tận dụng tốt cơ hội bên ngoài.

**Câu 6.** Năm 1967, ba tổ chức Cộng đồng than - thép châu Âu; Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) hợp nhất thành

- A. Cộng đồng kinh tế châu Âu.
- B. Liên minh kinh tế - chính trị châu Âu.
- C. *Cộng đồng châu Âu (EC).*
- D. Liên minh châu Âu (EU).

**Câu 7.** Mục tiêu của Liên minh Châu Âu (EU) là đẩy mạnh hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực

- A. tài chính và đối ngoại.
- B. chính trị và quân sự.
- C. văn hóa và giáo dục.
- D. *kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại, an ninh.*

**Câu 8.** Định ước Henxinki được kí kết 33 nước Châu Âu với Mĩ và Ca-na-đa đã tạo ra một cơ chế giải quyết

- A. vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở Châu Âu.      B. vấn đề chống khủng bố ở Châu Âu.  
C. vấn đề liên quan kinh tế, tài chính ở Châu Âu.      D. vấn đề về văn hóa ở Châu Âu.

**Câu 9.** Ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Mĩ, Tây Âu, Liên Xô.      B. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.  
C. Mĩ, Tây Âu, Trung Quốc.      D. Mĩ, Nhật Bản, Liên Xô.

**Câu 10.** Đến cuối thập niên 90 của thế kỉ XX, tổ chức nào đã trở thành tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh?

- A. Liên hợp quốc.      B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.  
C. Liên minh châu Âu.      D. Khối hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

**Câu 11.** Đến cuối thập kỉ 90 (thế kỉ XX), EU trở thành tổ chức liên kết chính trị-kinh tế lớn nhất hành tinh

- A. quan hệ với hầu hết quốc gia trên thế giới.      B. sử dụng chung đồng tiền châu Âu (EURO).  
C. chiếm hơn 1/4 GDP của toàn thế giới.      D. kết nạp nhiều thành viên tham gia vào tổ chức.

**Câu 12.** Nhân tố quan trọng thúc đẩy kinh tế Nhật, Tây Âu, Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. tận dụng tốt cơ hội bên ngoài để phát triển kinh tế.  
B. sử dụng nguồn viện trợ để phát triển kinh tế.  
C. áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật để phát triển kinh tế.  
D. vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước.

### BÀI 8 - NHẬT BẢN (1945 – 2000)

#### 1. Sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản và những nguyên nhân

- Sau khi phục hồi, từ năm 1952 đến năm 1960 kinh tế Nhật Bản có bước *phát triển nhanh*, nhất là từ năm 1960 - 1973 được thế giới đánh giá là **thần kì**.

- + 1968 Nhật Bản đã vươn lên là cường quốc kinh tế tư bản, đứng thứ 2 sau Mĩ
- + Từ đầu những năm 70 Nhật Bản trở thành một trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.
- + Từ nửa sau những năm 80, vươn lên thành **siêu cường tài chính số 1 thế giới**, trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới.

+ Nhật Bản rất coi trọng giáo dục và KH – KT với việc đẩy nhanh sự phát triển bằng cách mua bằng phát minh sáng chế và tập trung chủ yếu vào *sản xuất dân dụng*.

#### **Những nguyên nhân của sự phát triển kinh tế:**

- + Con người được xem là *vốn quý nhất*, là nhân tố quan trọng hàng đầu.
- + Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.
- + Các công ty Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lí tốt.
- + Áp dụng thành tựu KH- KT để nâng cao năng xuất.
- + Tận dụng tốt các điều kiện bên ngoài, như viện trợ Mĩ, các cuộc chiến tranh Triều Tiên và VN.
- + Chi phí quốc phòng thấp.

#### 2. Chính sách đối ngoại của Nhật Bản

- + Chủ trương *liên minh chặt chẽ với Mĩ*. Ký Hiệp ước an ninh Mỹ-Nhật (1951).
- + Những năm 70, học thuyết Phucưđa (1977) và Kaiphu (1991) chú trọng quan hệ với các nước *châu Á và Đông Nam Á* (Đánh dấu sự trở về Châu Á của Nhật).
- + Ngày nay, Nhật Bản đang nỗ lực vươn lên trở thành 1 cường quốc chính trị để tương xứng với sức mạnh kinh tế.

#### **Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Giai đoạn phát triển kinh tế Nhật Bản từ năm 1960 đến năm 1973 được gọi là

- A. giai đoạn phát triển “thần kì”.      B. trở thành “con rồng” của châu Á.  
C. giai đoạn khôi phục kinh tế.      D. giai đoạn cạnh tranh quyết liệt.

**Câu 2.** Từ năm 1952 đến năm 1973, khoa học - kỹ thuật và công nghệ của Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất phục vụ

- A. nhu cầu quân sự.      B. nghiên cứu vũ trụ.  
C. nhu cầu nông nghiệp.      D. nhu cầu dân dụng.

**Câu 3.** Ý nào **không** phản ánh đúng những khó khăn của nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh TG 2?

- A. Cơ cấu kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối.

B. *Vốn chủ yếu đầu tư cho quốc phòng.*

C. Lãnh thổ Nhật Bản không rộng, tài nguyên khoáng sản nghèo nàn.

D. Nhật Bản luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế Mỹ, Tây Âu.

**Câu 4.** Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật từ năm 1945 đến 1973 là

A. lệ thuộc vào Mỹ.

B. *liên minh chặt chẽ với Mỹ.*

C. quan hệ rộng rãi với các nước.

D. liên minh với Mỹ và Châu Âu.

**Câu 5.** Nguyên nhân chung dẫn đến sự phát triển mạnh của kinh tế Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu là

A. con người được xem là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.

B. *áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại.*

C. chi phí cho quốc phòng ít nên tập trung cho phát triển kinh tế.

D. tận dụng tốt các điều kiện bên ngoài để phát triển kinh tế.

**Câu 6.** Để đẩy nhanh sự phát triển đất nước, Nhật Bản coi trọng yếu tố nào?

A. Đầu tư ra nước ngoài.

B. Thu hút vốn đầu tư bên ngoài.

C. *Mua các phát minh sáng chế.*

D. Giáo dục và khoa học kỹ thuật.

**Câu 7.** Từ nửa sau những năm 80, nền kinh tế Nhật Bản có điểm gì nổi trội hơn so với Mỹ và Tây Âu?

A. Đi đầu về khoa học – kỹ thuật.

B. *Đứng đầu về sản lượng công nghiệp.*

C. Đi đầu về khoa học vũ trụ.

D. *Siêu cường tài chính số một thế giới.*

**Câu 8.** Năm 1956, cùng với việc bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Nhật Bản tham gia

A. Liên minh Mỹ - Nhật.

B. *Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO).*

C. Liên minh châu Âu (EU).

D. *Liên hợp quốc.*

**Câu 9.** Sau CTTG II, giữa Nhật Bản và các nước Tây Âu có gì khác biệt trong quan hệ với Mỹ?

A. Nhật Bản và Tây Âu luôn liên minh chặt chẽ với Mỹ.

B. Tây Âu liên minh chặt chẽ nhưng Nhật Bản tồn tại độc lập với Mỹ.

C. Nhật Bản liên minh cả với Mỹ và Liên Xô, còn Tây Âu chỉ liên minh với Mỹ.

D. *Nhật Bản liên minh chặt chẽ với Mỹ, Tây Âu tìm cách thoát dần ảnh hưởng của Mỹ.*

**Câu 10.** Nội dung chủ yếu của học thuyết Phucada (1977) và học thuyết Kaiphu (1991) là

A. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước đang phát triển.

B. mở rộng quan hệ với Tây Âu.

C. thiết lập quan hệ với các nước Á, Phi, Mỹ Latinh.

D. *tăng cường quan hệ các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.*

**Câu 11.** Từ nửa sau những năm 70 thế kỉ XX, Nhật Bản thực hiện chính sách đối ngoại trở về châu Á dựa trên cơ sở nào?

A. Nền kinh tế đứng đầu thế giới.

B. *Tiềm lực kinh tế tài chính hùng hậu.*

C. Lực lượng quân đội phát triển nhanh.

D. *Mỹ bắt đầu bảo trợ về hạt nhân.*

**Câu 12.** Đặc điểm cơ bản nhất trong đời sống văn hóa của Nhật Bản từ năm 1991 đến năm 2000 là gì?

A. Sự pha trộn của các dòng văn hóa ở khắp các châu lục.

B. Sự biến đổi của các yếu tố văn hóa truyền thống theo thời gian.

C. Sự lan tràn và chi phối của các yếu tố văn hóa phương Tây.

D. *Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại.*

## **Bài 9: QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH**

### **I. MÂU THUẬN ĐÔNG – TÂY VÀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA CHIẾN TRANH LẠNH**

- Sau CTTG thứ hai, Xô - Mỹ chuyển sang quan hệ **đối đầu** và đi tới tình trạng Chiến tranh lạnh.

- Nguyên nhân là do sự *đối lập về mục tiêu và chiến lược* của 2 cường quốc.

- Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch, căng thẳng trong quan hệ giữa Mỹ và các nước phương Tây với Liên Xô và các nước XHCN.

- Những sự kiện từng bước đưa tới tình trạng chiến tranh lạnh là:

+ Sự kiện được xem là khởi đầu là thông điệp của Tổng thống Truman (3/1947).

+ Kế hoạch Macsan (6/1947) nhằm tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước XHCN.

+ Thành lập tổ chức NATO (4/1949) và tổ chức Hiệp ước Vácava (5/1955) → Dẫn tới sự xác lập cục diện 2 phe, 2 cực. Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.

## II. XU THẾ HOÀ HOÃN ĐÔNG – TÂY VÀ CHIẾN TRANH LẠNH CHẤM DỨT

### - Biểu hiện:

- + Từ đầu những năm 70, hai siêu cường Xô – Mĩ đã tiến hành những cuộc gặp gỡ cấp cao.
- + Năm 1972, Liên Xô – Mĩ kí Hiệp ước cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược.
- + 11/1972, Đông Đức – Tây Đức đã kí Hiệp định về những cơ sở quan hệ 2 nước
- + Tháng 8/1975, 33 nước châu Âu, Mĩ, Canada đã kí Định ước Henxinki về hoà bình, an ninh và hợp tác châu Âu.
- + Tháng 12/1989, tại cuộc gặp gỡ cấp cao giữa Liên Xô, Mĩ hai bên đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

### - Nguyên nhân:

- + Chiến tranh lạnh đã làm suy giảm thế mạnh của Liên Xô – Mĩ.
- + Sự vươn lên của Tây Âu và Nhật Bản thách thức Mĩ.
- + Liên Xô ngày càng lâm vào khủng hoảng trì trệ.

## III. THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

- Từ 1989-1991, chế độ XHCN đã khủng hoảng và sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu, các liên minh kinh tế, quân sự của các nước XHCN giải thể.

+ Liên Xô tan rã dẫn đến trật tự hai cực sụp đổ.

\* *Xu thế phát triển của thế giới ngày nay:*

- + Trật tự thế giới được hình thành theo hướng “đa cực”.
- + Các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế.
- + Mĩ ra sức thiết lập trật tự “đơn cực” bá chủ thế giới nhưng khó thực hiện.
- + Hoà bình thế giới được củng cố, tuy nhiên nội chiến, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi.
- + Các nước điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thoả hiệp, hợp tác, tránh xung đột trực tiếp.
- + Xu thế toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ có ảnh hưởng to lớn đến nhiều quốc gia, dân tộc, các quốc gia dân tộc đứng trước những thời cơ và thách thức lớn.

- Sang thế kỉ XXI, xu thế hoà bình, hợp tác quốc tế là xu thế chính trong quan hệ quốc tế.

### Trắc nghiệm:

**Câu 1.** Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn Đông - Tây và sự khởi đầu Chiến tranh lạnh?

- A. Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa Xô và Anh.
- B. Do Liên Xô trở thành một cường quốc công nghiệp.
- C. Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa Xô và Mĩ.
- D. Do Mĩ vươn lên thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới.

**Câu 2.** Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện khởi đầu cuộc “Chiến tranh lạnh”?

- A. Chiến lược toàn cầu của tổng thống Rudoven.
- B. Diễn văn của ngoại trưởng Mĩ Mác-san.
- C. Thông điệp của tổng thống Mĩ Tru-man.
- D. Đạo luật viện trợ nước ngoài của Quốc hội Mĩ.

**Câu 3.** Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự xác lập cục diện hai phe, hai cực, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới?

- A. Thông điệp của Tổng thống Mĩ Toruman.
- B. Sự thành lập hội đồng tương trợ kinh tế SEV.
- C. Sự ra đời của kế hoạch Macsan.
- D. Sự ra đời của tổ chức Nato và tổ chức Hiệp ước Vacsava.

**Câu 4.** Một trong những mục đích của Mĩ khi đề ra “Kế hoạch Mác-san” (1947) là tập hợp các nước Tây Âu vào

- A. liên minh kinh tế đối lập với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
- C. liên minh chính trị chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
- D. tổ chức chính trị-quân sự chống lại phe xã hội chủ nghĩa.

**Câu 5.** Việc Mĩ triển khai “Kế hoạch Mác-san” có tác động đến quan hệ quốc tế ở châu Âu như thế nào?

- A. Tạo sự đối lập về quân sự giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô và Đông Âu.
- B. Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Tây Âu với Đông Âu.
- C. Tạo sự liên kết kinh tế giữa Mĩ và Tây Âu với Đông Âu.
- D. Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô.

**Câu 6.** Nhân tố chi phối quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu thập niên 90 của thế kỉ XX?

- A. Sự cạnh tranh quyết liệt thị trường giữa các nước tư bản. B. Xu thế liên minh kinh tế và khu vực.  
C. *Trật tự thế giới hai cực Ianta.* D. Sự phát triển của khoa học và kĩ thuật.

**Câu 7.** Hiệp định về cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (1972) và Định ước Hexinki (1975) đều chủ trương

- A. Thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu và cắt giảm vũ khí chiến lược.  
B. *giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.*  
C. tiến hành thúc đẩy hợp tác kinh tế chính trị và quốc phòng.  
D. giải thể các tổ chức quân sự của Mĩ và Liên Xô tại châu Âu.

**Câu 8.** Việc kí hiệp định cơ sở quan hệ giữa đông Đức và tây Đức (1972) có ý nghĩa như thế nào?

- A. Chấm dứt tình trạng chiến tranh lạnh ở châu Âu. B. *Làm cho tình hình châu Âu bớt căng thẳng.*  
C. Đánh dấu sự tái thống nhất nước Đức. D. Chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai phe ở châu Âu.

**Câu 9.** Sự kiện nào dưới đây **không** phản ánh đúng sự xuất hiện của xu thế hòa hoãn Đông - Tây?

- A. *Thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ (3 - 1947).*  
B. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (1972).  
C. Hai siêu cường Xô - Mĩ thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược (1972).  
D. 33 nước châu Âu cùng với Mĩ và Canada kí Định ước Henxinki (1975).

**Câu 10.** Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện chấm dứt cuộc “Chiến tranh lạnh”?

- A. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết (1972).  
B. Định ước Henxinki được kí kết (1975).  
C. Liên Xô và Mĩ kí Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1972).  
D. *Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa M. Góocbachốp và G. Busơ (cha) (1989).*

**Câu 11.** Nguyên nhân dẫn đến Mĩ, Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh là

- A. nền kinh tế hai nước đều lâm vào khủng hoảng.  
B. *sự suy giảm thế mạnh của cả hai nước trên nhiều mặt.*  
C. phạm vi ảnh hưởng của Mĩ bị mất, Liên Xô bị thu hẹp.  
D. trật tự hai cực Ianta xói mòn và sụp đổ.

**Câu 12.** Sau khi trật tự hai cực tan rã, trật tự thế giới mới được hình thành theo xu hướng

- A. một cực. B. hai cực.  
C. *đa cực, nhiều trung tâm.* D. đa cực, một trung tâm.

**Câu 13.** Trật tự thế giới hai cực Ianta hoàn toàn tan rã khi

- A. tổ chức Hiệp ước Vácsava chấm dứt hoạt động.  
B. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) giải thể.  
C. *chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ.*  
D. Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

**Câu 14.** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các cuộc xung đột vũ trang trong thời kì sau chiến tranh lạnh?

- A. *Mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ.*  
B. Vấn đề năng lượng nguyên tử và vũ khí hạt nhân.  
C. Do tác động của chủ nghĩa khủng bố quốc tế.  
D. Sự đua tranh của các cường quốc trong việc thiết lập trật tự thế giới mới.

**Câu 15.** Để tạo môi trường quốc tế thuận lợi, các nước lớn đã điều chỉnh mối quan hệ theo chiều hướng

- A. tham gia vào các tổ chức liên kết khu vực. B. thành lập liên minh quốc tế chống chủ nghĩa khủng bố.  
C. *đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột.* D. đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ.

**Câu 16.** Sau chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào lĩnh vực

- A. *kinh tế.* B. khoa học – công nghệ.  
C. công nghiệp quốc phòng. D. chinh phục vũ trụ.

**Câu 17.** Nhận định chung về quan hệ quốc tế nửa sau thế kỉ XX là

- A. *mở rộng và đa dạng.* B. liên minh khu vực.  
C. toàn cầu hóa. D. thỏa hiệp, tránh xung đột.

## BÀI 10. CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỈ XX

### I. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ

#### 1. Nguồn gốc và đặc điểm

\* *Nguồn gốc*: xuất phát từ đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất, nhằm đáp ứng yêu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

\* *Đặc điểm*:

- Đặc điểm lớn nhất là *khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp*. KH và KT có sự liên kết chặt chẽ, mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học

### II. Xu hướng toàn cầu hoá và ảnh hưởng của nó

- Từ đầu những năm 80, đặc biệt là từ sau chiến tranh lạnh, trên thế giới đã diễn ra xu thế toàn cầu hoá.

- Khái niệm: Toàn cầu hoá là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới.

- *Biểu hiện*:

+ Sự phát triển nhanh chóng của thương mại quốc tế.

+ Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

+ Sự sáp nhập, hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

+ Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

- *Tích cực*:

+ Mang lại sự tăng trưởng kinh tế cao, góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế

+ Đặt ra các yêu cầu phải cải cách sâu rộng để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kt.

- *Hạn chế*:

+ Làm trầm trọng thêm sự bất công xã hội và đào sâu hố ngăn cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.

+ Làm mọi hoạt động và đời sống con người kém an toàn hơn.

+ Nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập chủ quyền quốc gia.

-> **Toàn cầu hoá là xu thế tất yếu không thể đảo ngược; vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với mỗi quốc gia, dân tộc.**

### Trắc nghiệm:

**Câu 1.** Nguồn gốc sâu xa của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật thế kỉ XX là gì?

A. Giải quyết sự bùng nổ dân số.

B. Đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới.

D. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.

**Câu 2.** Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại được khởi đầu từ đâu?

A. Liên Xô.

B. Anh.

C. Mỹ.

D. Nhật Bản.

**Câu 3.** Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai

A. kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. *khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp*.

C. đạt được thành tựu kì diệu trên các lĩnh vực khoa học – công nghệ.

D. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

**Câu 4.** Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại đã và đang đưa loài người chuyển sang thời đại văn minh

A. thương mại.      B. công nghiệp.

C. dịch vụ.

D. trí tuệ.

**Câu 5.** Cuộc cách mạng KHKT ở nửa sau thế kỉ XX được gọi là cách mạng khoa học - công nghệ vì

A. *cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học - kĩ thuật*.

B. tất cả các nghiên cứu khoa học được bắt nguồn công nghệ.

C. công nghệ được phát triển, từng bước thay thế cho nghiên cứu khoa học.

D. ứng dụng hoàn toàn công nghệ trong sản xuất và đời sống của nhân loại.

**Câu 6.** Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cuộc cách mạng khoa học -kĩ thuật lần thứ hai?

A. Tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.

B. *Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất*.

C. Đưa con người sang nền văn minh trí tuệ.

D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.



**Câu 7.** Điều **không** phải là biểu hiện của quá trình toàn cầu hóa?

- A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- C. Sự phát triển của khoa học và công nghệ.
- D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

**Câu 8.** Xu thế toàn cầu hoá trên thế giới là hệ quả của

- A. sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế.
- B. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.
- C. sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia.
- D. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

**Câu 9.** Một trong những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa là

- A. nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- B. hạn chế sự chuyển biến cơ cấu kinh tế.
- C. kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất.
- D. hạn chế tăng trưởng kinh tế.

**Câu 10.** Vì sao toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, một thực tế không thể đảo ngược?

- A. Kết quả của việc thu hút nguồn lực bên ngoài của các nước đang phát triển.
- B. Các nước tư bản tăng cường đầu tư vốn ra thị trường thế giới.
- C. Các cường quốc đẩy mạnh liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu.
- D. Kết quả của quá trình tăng tiến mạnh mẽ của lực lượng sản xuất.

### **BÀI 11 - TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000**

**Câu 1.** Nhân tố hàng đầu chi phối quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu thập niên 90 của thế kỉ XX là gì?

- A. Sự ra đời của hai nhà nước Đức.
- B. Hệ thống chủ nghĩa xã hội được mở rộng.
- C. Trật tự thế giới hai cực Ianta.
- D. Sự ra đời và hoạt động của Liên hợp quốc.

**Câu 2.** Thắng lợi của các cuộc cách mạng nào đã đưa chủ nghĩa xã hội vượt ra phạm vi khỏi một nước, trở thành một hệ thống thế giới?

- A. Thắng lợi của các cuộc cách mạng Việt Nam, Trung Quốc.
- B. Thắng lợi của các cuộc cách mạng Trung Quốc, Cuba.
- C. Thắng lợi của các cuộc cách mạng Cuba, Trung Quốc, Việt Nam.
- D. Thắng lợi của các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu.

**Câu 3.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, bản đồ chính trị thế giới thay đổi to lớn và sâu sắc chủ yếu là do

- A. các cuộc chiến tranh cục bộ bùng nổ khắp nơi.
- B. thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc.
- C. sự ra đời của hai khối quân sự đối lập.
- D. Mĩ thành công trong chiến lược toàn cầu.

**Câu 4.** Xu thế chủ đạo của thế giới sau chiến tranh lạnh là

- A. khủng bố nhiều nơi.
- B. xung đột sắc tộc, tôn giáo.
- C. hòa bình và ổn định.
- D. do Mĩ chi phối.

**Câu 5.** Sau chiến tranh lạnh các quốc gia điều chỉnh chiến lược

- A. lấy quốc phòng làm trọng tâm.
- B. phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- C. cải cách đất nước giữ gìn hòa bình.
- D. đầu tư khoa học kĩ thuật.

**Câu 6.** Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, chính quyền Mĩ đã theo đuổi đường lối nào trong quan hệ quốc tế?

- A. Trở thành siêu cường trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- B. Tìm cách vươn lên thế “một cực”.
- C. Thiết lập quan hệ đa cực, Mĩ giữ vai trò trung tâm.
- D. Mĩ từ bỏ tham vọng bá chủ thế giới.

**Câu 7.** Đề thích ứng với xu thế toàn cầu hóa, các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam đã và đang

- A. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- B. nhanh chóng ứng dụng các thành tựu khoa học vào trong sản xuất.
- C. tranh thủ tận dụng các nguồn vốn và kĩ thuật của bên ngoài.
- D. nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức để phát triển.

**Câu 8.** Từ thập kỉ 90 thế kỉ XX, thế giới đang chứng kiến

- A. xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.
- B. thiên nhiên bị tàn phá nghiêm trọng.
- C. cách mạng KH-KT đạt nhiều thành tựu.
- D. chiến tranh xảy ra nhiều nơi.

**Câu 9.** Trong giai đoạn sau chiến tranh lạnh (1991-2000), các cường quốc điều chỉnh quan hệ theo xu hướng hòa dịu, đối thoại, tránh xung đột trực tiếp chủ yếu vì

- A. muốn có điều kiện thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế quốc tế.
- B. các tổ chức chính trị tăng cường can thiệp vào quan hệ quốc tế.
- C. tác động tích cực của các tập đoàn tư bản đối với nền chính trị.

D. hoạt động hiệu quả của các liên kết thương mại quốc tế.

**Câu 10.** Trong thập niên 90 của thế kỉ XX, các cuộc xung đột quân sự xảy ra ở bán đảo Ban-căng và một số nước châu Phi là một trong những

A. di chứng của cuộc chiến tranh lạnh.

B. biểu hiện mâu thuẫn mới trong trật tự hai cực I-an ta.

C. biểu hiện sự trỗi dậy của các thế lực mới trong trật tự đa cực.

D. thành công của Mĩ trong thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

## BÀI 12: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM 1919-1925

### 1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919-1929)

- Cách mạng tháng Mười Nga thành công. Quốc tế cộng sản được thành lập => tác động mạnh đến CM Việt Nam.

- Mục đích: bù đắp thiệt hại sau chiến tranh.

- Nội dung: chủ yếu đầu tư vào nông nghiệp (đôn điền cao su) và CN (khai mỏ).

### 2. Những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam

#### a. Kinh tế

- Kinh tế VN phát triển mất cân đối, lạc hậu, lệ thuộc chặt chẽ vào kinh tế Pháp...

#### b. Xã hội

- Giai cấp địa chủ: tiếp tục bị phân hoá (trung - tiểu địa chủ tham gia vào phong trào dân tộc dân chủ).

- Giai cấp nông dân => lực lượng đông đảo to lớn của cách mạng.

- Giai cấp tiểu tư sản: có tinh thần đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai.

-> Tiêu biểu nhất có cuộc đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925), đám tang Phan Châu Trinh (1926).

- Giai cấp tư sản: phân hoá thành 2 bộ phận

+ Tư sản mại bản: có quyền lợi gắn chặt với đế quốc => cấu kết với đế quốc

+ Tư sản dân tộc: có xu hướng kinh doanh độc lập => có tinh thần dân tộc dân chủ

-> Vận động chấn hưng nội hoá bài trừ ngoại hoá, chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo tại Nam Kỳ.

- Giai cấp công nhân: tăng nhanh về số lượng, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản => vươn lên thành động lực của phong trào dân tộc dân chủ.

-> 8/1925, cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son -> Đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác.

### 3. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc

- 18/6/1919, gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến hội nghị Vecxai. (Rút ra kết luận muốn giải phóng dân tộc phải dựa vào lực lượng của chính mình).

- 7/1920, đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin. (Từ đó tìm thấy con đường cứu nước).

- 25/12/1920, tại đại hội Tua, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. (Trở thành người đảng viên cộng sản đầu tiên của VN).

- 1921, thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa (thiết lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới).

- 1922, XB báo Người cùng khổ và đặc biệt là viết cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp.

\* Công lao đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc:

- Tìm thấy con đường cứu nước mới cho dân tộc Việt Nam.

- Chuẩn bị về chính trị tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### Trắc nghiệm:

**Câu 1.** Mục đích của Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?

A. Bù vào thiệt hại trong lần khai thác thứ nhất.

B. Bù đắp thiệt hại do chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.

C. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở VN.

D. Tìm thị trường mới, nhân công rẻ.

**Câu 2.** Trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai (1919-1929), Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào?

A. Công nghiệp chế biến.

B. Nông nghiệp và khai thác mỏ.

C. Nông nghiệp và thương nghiệp.

D. Giao thông vận tải.

**Câu 3.** Phong trào đấu tranh đầu tiên do giai cấp tư sản dân tộc khởi xướng là gì?

A. Chống độc quyền cảng Sài Gòn.

C. Thành lập Đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng quần chúng.

B. Chống độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ.

D. Phong trào “Chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa”.

**Câu 4.** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của cách mạng Việt Nam?

A. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và tư sản.

B. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ.

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân VN với thực dân Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa địa chủ và tư sản.

**Câu 5.** Yếu tố quyết định đến sự xuất hiện khuynh hướng tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX?

A. Những chuyển biến về kinh tế, xã hội, tư tưởng.

B. Sự xuất hiện giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản.

C. Sự lỗi thời của hệ tư tưởng phong kiến

D. Sự khủng hoảng, suy yếu của chế độ phong kiến.

**Câu 6.** Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

A. Nguyễn Ái Quốc gửi “Bản yêu sách tám điểm” đến hội nghị Vec-xai (6/1919).

B. Nguyễn Ái Quốc đọc được luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).

C. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp (12/1920).

D. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari (1921).

**Câu 7.** Công lao to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc với cách mạng Việt Nam trong những năm 1919-1930

A. thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

B. soạn thảo Cương lĩnh đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam.

C. hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

D. tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

**Câu 8.** Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị Véc-Xai bản yêu sách của nhân dân An Nam để

A. đòi các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

B. đòi thực dân Pháp trả độc lập cho dân tộc Việt Nam.

C. yêu cầu các nước Đồng minh giúp đỡ nhân dân thuộc địa.

D. đòi bồi thường chiến tranh do Pháp gây ra cho dân tộc Việt Nam.

**Câu 9.** “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”, đây là kết luận của Nguyễn Ái Quốc sau khi

A. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai.

B. đọc Luận cương về vấn đề giải phóng dân tộc của Lê-nin.

C. tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

D. tham gia thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

**Câu 10.** Sự kiện nào đánh dấu bước đầu Nguyễn Ái Quốc thiết lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

A. Sau khi trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919).

B. Tham gia lập Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari (1921).

C. Dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (1923)

D. Dự Đại hội quốc tế Cộng sản lần V (1924).

## BÀI 13: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1925 – 1930

### 1. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên

- Khuynh hướng: vô sản, do NAQ thành lập (1925)

- Mục đích: tổ chức và lãnh đạo quần chúng đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai.

\* Hoạt động:

- Mở lớp huấn luyện chính trị đào tạo chiến sĩ cách mạng, đưa về nước hoạt động.

- 21/6/1925, ra báo *Thanh niên*.

- 1927, xuất bản tác phẩm *Đường Kách mệnh*.

- 7/1925, Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông*.

- 1928, tổ chức phong trào “vô sản hoá”. (Pt công nhân trở thành *nòng cốt* pt dân tộc).

\* *Vai trò:*

- Truyền bá lí luận *cách mạng giải phóng dân tộc* theo khuynh hướng vô sản vào Việt Nam.
- Chuẩn bị về chính trị, tổ chức, đội ngũ cán bộ cho sự ra đời của Đảng.

## 2. Tân Việt Cách mạng đảng (1928)

- Nội bộ Đảng phân hóa=> *Đông Dương cs liên đoàn (9/1929)*.

## 3. Việt Nam Quốc dân đảng (1927)

- Cơ sở hạt nhân là NXB *Nam Đồng thư xã*, do Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính thành lập.
- Mục đích: đánh đuổi Pháp, ngôi vua, thiết lập dân quyền → Theo *khuynh hướng DCTS*.
- Hoạt động tiêu biểu: ám sát *Bazanah và khởi nghĩa Yên Bái*.
- Nguyên nhân thất bại: Pháp đang còn mạnh (khách quan); giai cấp tư sản còn non yếu (chủ quan).
- Khởi nghĩa Yên Bái thất bại *chấm dứt vai trò lịch sử của VNQDD*.

## 4. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời

a. *Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929*

- Đông Dương Cộng sản đảng (6/1929)
- An Nam Cộng sản đảng (8/1929)
- Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9/1928)
- Ý nghĩa:

+ Phản ánh xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản .

+ Chuẩn bị **trực tiếp** cho sự ra đời của một chính đảng vô sản ở VN.

b. *Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*

\* *Hoàn cảnh lịch sử:*

- 3 tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng dẫn đến nguy cơ chia rẽ lớn.
- 6/1/1930->8/2/1930, NAQ triệu tập và chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản tại Cửu Long (Hương Cảng-TQ).

\* *Nội dung HN:*

- Thống nhất các tổ chức cộng sản => *Đảng Cộng sản VN*.
- Thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của ĐCSVN.

\* *Nội dung của Cương lĩnh đầu tiên của Đảng:*

- *Đường lối chiến lược CM*: “*Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”.
- *Nhiệm vụ CM*: đánh đổ đế quốc, phong kiến và TS phản CM ...
- *Lực lượng CM*: công, nông, tiểu tư sản trí thức.
- *Lãnh đạo CM*: ĐCSVN – đội tiên phong của giai cấp vô sản.

=> *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của ĐCS Việt Nam là cương lĩnh sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh.*

\* *Ý nghĩa của sự thành lập Đảng:*

- Là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc ở Việt Nam, là sự lựa chọn của lịch sử.
- Là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp *CN Mác - Lênin* với *PT công nhân và PT yêu nước*.
- *Tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử CMVN*.
- + Là *bước chuẩn bị đầu tiên* có tính chất quyết định cho những bước bước phát triển nhảy vọt của CMVN.

## **Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhằm

- tổ chức và lãnh đạo quần chúng đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai.*
- phát động nhân dân đòi thực dân Pháp phải cải cách hành chính.
- kêu gọi thanh niên Việt Nam tham gia vào các tổ chức chính trị.
- đào tạo những cán bộ xuất sắc và cho đi học ở nước ngoài.

**Câu 2.** Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- Báo Thanh Niên.*
- Tác phẩm "Đường Cách Mệnh".
- Bản án chế độ tư bản Pháp.
- Báo Người cùng khổ.

**Câu 3.** Khi về nước những hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp đào tạo tại Quảng Châu (Trung Quốc) đã truyền bá lí luận nào trong nhân dân?

- A. Cách mạng dân chủ tư sản. B. Cách mạng giải phóng dân tộc.  
 C. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. D. Cách mạng vô sản.
- Câu 4.** Những bài giảng ở các lớp huấn luyện tại Quảng Châu (Trung Quốc) Nguyễn Ái Quốc in thành tác phẩm  
 A. Bản yêu sách của nhân dân An Nam. B. Bản án chế độ thực dân Pháp.  
 C. Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch. D. Đường Kách mệnh.
- Câu 5.** Đề trực tiếp truyền bá tư tưởng vô sản vào giai cấp công nhân, năm 1928 Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã  
 A. xuất bản tờ báo Thanh niên. B. xuất bản tác phẩm “Đường kách mệnh”.  
 C. thực hiện phong trào “vô sản hóa”. D. Thành lập nhiều cơ sở trong nước.
- Câu 6.** Cơ sở hạt nhân đầu tiên của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng xuất phát từ nhà xuất bản  
 A. Cường học thư xã. B. Tự lực văn đoàn.  
 C. Quan hải tùng thư. D. Nam đồng thư xã.
- Câu 7.** Mục tiêu hoạt động của tổ chức “Việt Nam Quốc dân đảng”?  
 A. Đánh đuổi thực dân Pháp, xóa bỏ ngôi vua.  
 B. Đánh đuổi thực dân Pháp, thiết lập dân quyền.  
 C. Đánh đuổi thực dân Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.  
 D. Đánh đuổi ngôi vua, thực dân Pháp, lập nước Việt Nam độc lập.
- Câu 8.** Việt Nam Quốc dân Đảng là một chính Đảng cách mạng theo  
 A. khuynh hướng dân chủ tư sản. B. ý thức hệ phong kiến.  
 C. khuynh hướng vô sản. D. tư tưởng của chủ nghĩa cải lương.
- Câu 9.** Nửa cuối năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã phân hóa thành  
 A. Đông Dương cộng sản đảng, Tân Việt cách mạng đảng.  
 B. Đông Dương cộng sản Liên đoàn, An Nam cộng sản đảng.  
 C. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng.  
 D. Đông Dương cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản Liên đoàn.
- Câu 10.** Tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản nào dưới đây được thành lập vào tháng 6/1929?  
 A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn. B. An Nam Cộng sản đảng.  
 C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. D. Đông Dương Cộng sản đảng.
- Câu 11.** Tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản nào dưới đây được thành lập vào tháng 8/1929?  
 A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn. B. An Nam Cộng sản đảng.  
 C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. D. Đông Dương Cộng sản đảng.
- Câu 12.** Tổ chức cách mạng nào dưới đây được thành lập vào tháng 9/1929?  
 A. Tân Việt Cách mạng đảng. B. An Nam Cộng sản đảng.  
 C. Đông Dương Cộng sản đảng. D. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- Câu 13.** Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng được xem là  
 A. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. B. tài liệu chính trị đặc biệt của Đảng.  
 C. Nghị quyết của Đảng. D. văn kiện Đảng.
- Câu 14.** Tư tưởng cốt lõi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là  
 A. ruộng đất cho dân cày. B. tự do và dân chủ.  
 C. đoàn kết với cách mạng thế giới. D. độc lập và tự do.
- Câu 15.** ĐCSVN ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với  
 A. phong trào công nhân và phong trào yêu nước. B. phong trào dân tộc dân chủ.  
 C. phong trào giải phóng dân tộc. D. chủ nghĩa quốc tế vô sản.

## BÀI 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1935

### 1. Phong trào CM 1930 – 1931

#### a. Nguyên nhân

- Mâu thuẫn nhân dân ta và td Pháp.
- Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng CSVN (nguyên nhân quyết định nhất).

## b. Diễn biến

- 1/5/1930, nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày QT lao động (1.5)-> *bước ngoặt* phong trào.
- 9/1930, phong trào lên cao, nhất ở Nghệ An và Hà Tĩnh đã thành lập các “Xô viết”=> *đỉnh cao* phong trào.

## 2. Xô viết Nghệ - Tĩnh

- *Chính trị*: thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, thành lập đội tự vệ đỏ và TAND.
  - *Kinh tế*: chia ruộng đất công cho dân cày nghèo, bãi bỏ các thứ thuế, xóa nợ cho người nghèo,...
  - *Văn hoá – xã hội*: mở lớp dạy chữ quốc ngữ, các tệ nạn xã hội bị xóa bỏ,...
- => Những chính sách của chính quyền Xô viết đem lại lợi ích cho nhân dân lao động. Thể hiện rõ bản chất ưu việt của một chính quyền mới – chính quyền *của dân, do dân, vì dân*.

## 3. Hội nghị lần thứ nhất BCH TW lâm thời Đảng CSVN (10. 1930)

- *Nội dung HN*:
- + Đổi tên Đảng là Đảng CS Đông Dương.
- + Cử BCHTW chính thức do Trần Phú làm Tổng bí thư.
- + Thông qua *Luận cương chính trị* Trần Phú khởi thảo.
- *Nội dung của Luận cương chính trị*:
- + *Tính chất cách mạng Đông Dương*: là cuộc cách mạng tư sản dân quyền sau khi hoàn thành tiền thắng lên con đường XHCN.
- + *Nhiệm vụ chiến lược*: Đánh PK và ĐQ.
- + *Động lực*: công nhân và nông dân.
- + *Lãnh đạo*: Đảng Cộng sản Đông Dương.
- \* *Hạn chế*: thể hiện trong việc xác định nhiệm vụ cách mạng và lực lượng cách mạng (Do chưa thấy được mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa nên chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu).

## 4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào CM 1930 – 1931

- *Khởi liên minh công – nông được hình thành*.
- Để lại nhiều bài học quý báu về xây dựng khối liên minh công nông.
- > là cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

### Trắc nghiệm:

**Câu 1.** Mâu thuẫn lớn nhất của xã hội Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933

- mâu thuẫn giữa nông dân với chế độ phong kiến.
- mâu thuẫn giữa khuynh hướng vô sản và cách mạng tư sản.
- mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với Pháp và tay sai phản động.
- mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản.

**Câu 2.** Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến phong trào cách mạng 1930-1931 là do

- truyền thống yêu nước của dân tộc.
- hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế.
- do chính sách khủng bố đàn áp của thực dân Pháp.
- ĐCSVN ra đời kịp thời lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

**Câu 3.** Lực lượng chủ yếu tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam là

- công nhân, nông dân, tiểu tư sản.
- tiểu tư sản, công nhân.
- công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.
- công nhân và nông dân.

**Câu 4.** Chính quyền Xô Viết (1930-1931) **không** thực hiện chính sách nào sau đây?

- Thành lập các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân.
- Chia ruộng đất công cho dân cày, bãi bỏ một số loại thuế.
- Mở lớp dạy chữ Quốc ngữ cho các tầng lớp nhân dân
- Cho nhân dân thành lập các phường, hội tự do buôn bán, phát triển kinh tế.

**Câu 5.** Thành quả đạt được lớn nhất của phong trào cách mạng 1930 - 1931 là gì?

- Quần chúng được giác ngộ trở thành lực lượng chính trị hùng hậu.
- Đảng rút ra nhiều bài học quý báu trong lãnh đạo cách mạng.
- Thành lập được chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.
- Hình thành khối liên minh công-nông.

**Câu 6.** Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930) đã thông qua văn kiện nào?

- A. Sách Đường Kách mệnh. B. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.  
C. Nghị quyết chính trị của Đảng. D. *Luận cương chính trị của Đảng.*

**Câu 7.** Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời ĐCSVN tháng 10-1930 quyết định đổi tên ĐCSVN thành

- A. *Đảng Cộng sản Đông Dương.* B. Đông Dương Cộng sản đảng.  
C. Đảng Dân chủ Việt Nam. D. Đảng Lao động Việt Nam.

**Câu 8.** Luận cương chính trị (10/1930) xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương là

- A. thực dân Pháp và tư sản mại bản. B. *đánh đổ phong kiến và đế quốc.*  
C. đánh đổ thực dân Pháp và bọn tay sai. D. đánh đổ đế quốc, phong kiến.

**Câu 9.** Lực lượng cách mạng được nêu trong Luận cương chính trị tháng 10/1930 là?

- A. Công nhân, nông dân. B. công nhân, nông dân, tiểu tư sản.  
C. Công nhân, nông dân, trí thức. D. công nhân, nông dân, tư sản và tiểu tư sản.

**Câu 10.** So với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Luận cương chính trị (10/1930) có sự khác biệt về

- A. vị trí cách mạng Việt Nam. B. chiến lược cách mạng Việt Nam.  
C. giai cấp lãnh đạo cách mạng. D. *nhiệm vụ và lực lượng cách mạng.*

## BÀI 15. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ 1936-1939

### I. Tình hình thế giới và trong nước

- Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và nắm chính quyền ở Đức, Ý, Nhật.
- Đại hội VII Quốc tế cộng sản (7/1935) => chủ trương thành lập mặt trận nhân dân các nước chống phát xít, chiến tranh.
- 1936, Mặt trận nhân dân Pháp lên cầm quyền => thực hiện một số chính sách tiên bộ ở thuộc địa.
- 1936 – 1939 kinh tế Việt Nam có sự phục hồi và phát triển.
- Đa số nhân dân vẫn sống trong cảnh khó khăn, cực khổ → vì vậy họ sẵn sàng đấu tranh đòi tự do, cơm áo (đòi quyền dân sinh, dân chủ).

### II. Phong trào dân chủ 1936 - 1939

#### 1. Hội nghị Ban chấp hành trung ương ĐCS Đông Dương tháng 7. 1936

- Tháng 7/1939 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Thương Hải (Trung Quốc) để đề ra chủ trương mới trong giai đoạn 1936 – 1939.
- *Nhiệm vụ chiến lược cách mạng:* chống đế quốc, chống phong kiến.
- *Nhiệm vụ trước mắt:* chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.
- *Mục tiêu:* đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hoà bình.
- *Phương pháp đấu tranh:* kết hợp công khai-bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.
- Chủ trương thành lập *mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương* (3/1938) đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương).

#### 2. Những phong trào đấu tranh tiêu biểu

- a. *Đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ.*
- Phong trào Đông Dương đại hội (1936).
  - Phong trào đón Gô- Đa (1937).
  - Cuộc mítting lớn tại Hà Nội (1.5.1938).

#### 3. Ý nghĩa, bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936- 1939

##### a. Ý nghĩa:

- Quần chúng được giác ngộ, tham gia vào mặt trận, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng.
- Kết quả: Thực dân Pháp nhượng bộ một số yêu sách.

##### b. Bài học kinh nghiệm:

- Tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.
- Phong trào dân chủ 1936- 1939 là *cuộc tập dượt thứ hai* cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

### Trắc nghiệm:

**Câu 1.** Những nội dung nào dưới đây **không** nằm trong đường lối và phương pháp đấu tranh của Đảng ta được đề ra trong phong trào dân chủ 1936-1939 ?

- A. Chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.  
 B. Đòi tự do, dân chủ, dân sinh, cơm áo hòa bình.  
 C. *Chống thực dân Pháp và phát xít Nhật.*  
 D. Phương pháp đấu tranh là kết hợp công khai và bí mật.

**Câu 2.** Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định phương pháp đấu tranh của cách mạng Đông Dương giai đoạn 1936 - 1939 là

- A. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.  
 B. kết hợp hai khuynh hướng bạo động và cải cách.  
 C. *kết hợp công khai với bí mật, hợp pháp với bất hợp pháp.*  
 D. bãi công, biểu tình có vũ trang, bí mật, bất hợp pháp.

**Câu 3.** Hội nghị Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương (7-1936) khẳng định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương là

- A. *chống đế quốc và chống phong kiến.* B. chống phát xít và chống chiến tranh.  
 C. chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình. D. Chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai.

**Câu 4.** Để tập hợp lực lượng cách mạng giai đoạn 1936 – 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có chủ trương thành lập

- A. Mặt trận Việt Minh. B. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.  
 C. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh. D. *Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.*

**Câu 5.** Thực chất của những cuộc mít-tinh, “đón rước” nhân sự kiện Gôđa sang điều tra tình hình và Brêviê nhận chức Toàn quyền Đông Dương là

- A. cuộc đấu tranh trực tiếp với chính quyền thuộc địa Pháp.  
 B. hình thức đấu tranh công khai, mềm dẻo.  
 C. thể hiện sự hiếu khách của người Việt.  
 D. *cuộc biểu dương lực lượng, đưa yêu sách về dân sinh, dân chủ.*

**Câu 6.** Một trong những **bài học** kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939...

- A. về chớp thời cơ trong cách mạng. B. *về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.*  
 C. xây dựng khối liên minh công nông trí thức. D. giành chính quyền và xây dựng chính quyền.

**Câu 7.** Hình thức đấu tranh nào **không** được sử dụng trong phong trào 1936 – 1939?

- A. Công khai hợp pháp. B. *Đấu tranh vũ trang.*  
 C. Đấu tranh nghị trường. D. Đấu tranh báo chí.

**Câu 8.** Phong trào đấu tranh dân chủ trong những năm 1936-1939 được coi là cuộc tập dượt

- A. lần thứ nhất của Đảng. B. *lần thứ hai của Đảng.*  
 C. lần thứ ba của Đảng. D. lần cuối của Đảng.

**Câu 9.** Thành quả lớn nhất của phong trào dân chủ 1936 - 1939 là gì?

- A. Quần chúng trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng.  
 B. *Buộc chính quyền Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách.*  
 C. Khối liên minh công nông hình thành.  
 D. Đảng tích lũy được nhiều kinh nghiệm.

**Câu 10.** Tính chất **điển hình** của phong trào 1936 - 1939 là

- A. phong trào dân tộc. B. *phong trào dân chủ.*  
 C. phong trào tư sản. D. phong trào công nhân.

## **Bài 16: PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 - 1945)**

### **I. Việt Nam 1939 - 1945**

- Cuối 9/1940, Quân Nhật tiến vào miền Bắc VN.
- Chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp – Nhật → 2 triệu đồng bào chết đói.  
 → *tất cả các tầng lớp giai cấp (trừ tay sai đế quốc, đại địa chủ và tư sản mại bản) đều bị ảnh hưởng.*

### **II. PT giải phóng dân tộc từ t9/1939 đến t3/1945**

**1.** Hội nghị Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương tháng 11-1939 và Hội Nghị lần thứ 8 BCHTW Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941)

**\*.Giống nhau:**



- Đặt nhiệm vụ gpdt lên hàng đầu.
- Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.
- Tập hợp lực lượng toàn dân tộc.

| Nội dung                            | Hội nghị BCH TW Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11/ 1939  | Hội nghị lần thứ 8 BCHTW Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941)  |
|-------------------------------------|--|---|
| <b>Nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt</b> | Đánh đổ <u>đế quốc</u> và tay sai=> Đông Dương độc lập.  | Giải phóng dân tộc  |
| <b>Chủ trương của Đảng</b>          | Đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ ...  | Giảm tô, thuế, chia lại ruộng công,...  |
| <b>Phương pháp đấu tranh</b>        | Từ hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.   | Hình thái là đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa. Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân. |
| <b>Hình thức mặt trận</b>           | Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.  | Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh (Việt Minh).  |
| <b>Ý nghĩa</b>                      | Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đưa nhân dân ta bước vào thời kì trực tiếp vận động cứu nước.... | + Hoàn chỉnh chủ trương...<br>+ Có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định đến thắng lợi CMT8/1945.                                 |

## 2. Chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

- *Xây dựng lực lượng chính trị:* + Vận động quần chúng tham gia Việt Minh.  
+ Các đoàn thể quần chúng: Hội cứu quốc.

- *Xây dựng lực lượng vũ trang:*

+ Thành lập các Trung đội Cứu quốc quân (I,II,III).

+ 22/12/1944: Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập.

=> 15/5/1945: *Việt Nam Cứu quốc quân* + *Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân* => *Việt Nam giải phóng quân*.

- *Xây dựng căn cứ địa:* Bắc Sơn-Vũ Nhai (1940) và Cao Bằng (1941).

4/6/1945: **Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập** (6 tỉnh: Cao-Bắc-Lạng-Hà-Thái-Tuyên, là hình ảnh thu nhỏ nước VN mới).

## II. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

### 1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945)

- Đêm 9/3/1945: Nhật đảo chính Pháp chiếm Đông Dương.

- 12/3/1945: Ban Thường vụ TW Đảng ra chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”

- *Nội dung chỉ thị:*

+ *Kẻ thù chính trước mắt là:* phát xít Nhật

+ *Khẩu hiệu:* “Đánh đuổi Pháp-Nhật” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”

+ *Hình thức đấu tranh:* từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình, thị uy, vũ trang, sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa.

+ *Quyết định* “phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa”

### 2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa

- 16/4/1945: Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam

### 3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

- 15/8/1945: Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện (thời cơ khách quan thuận lợi).

- 18/8/1945: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền sớm nhất cả nước.

- Hà Nội, tối 19/8 cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi.
- Huế, 23/8 khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.
- Sài Gòn, ngày 25/8 giành chính quyền.
- 28/8/1945: cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi trong cả nước.
- Đông Nai Thương và Hà Tiên: giành chính quyền muôn nhất.
- Chiều 30/8, Vua Bảo Đại thoái vị, chế độ phong kiến sụp đổ.

### III. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám năm 1945

- Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc, phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp Nhật, phong kiến, lập nên nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà.
- Góp phần làm suy yếu của chủ nghĩa đế quốc, cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng”

\* *Bài học kinh nghiệm:*

- Đường lối đúng đắn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê Nin vào thực tiễn Việt Nam.
- Tập hợp các lực lượng yêu nước rộng rãi trên cơ sở khối liên minh công nông.
- Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang,...

#### **Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương được xác định tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939) là

- A. đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng.
- B. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít.
- C. đánh đuổi đế quốc, phát xít Pháp - Nhật và tay sai.
- D. *đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương.*

**Câu 2.** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939) chủ trương thành lập

- A. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
- B. *Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.*
- C. Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương
- D. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.

**Câu 3.** Tại Hội nghị lần thứ 8 (5/1941), Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương tạm gác khẩu hiệu

- A. *cách mạng ruộng đất.*
- B. chia lại ruộng công.
- C. người cày có ruộng.
- D. giảm tô, giảm thuế.

**Câu 4.** **Điểm chung** của Hội nghị tháng 11/1939 và Hội nghị lần thứ 8 (5/1941) của Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương đã xác định nhiệm vụ

- A. cách mạng ruộng đất.
- B. *giải phóng dân tộc.*
- C. khởi nghĩa từng phần.
- D. tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 5.** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5/1941) đã xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa ở nước ta là

- A. đi từ chiến tranh du kích lên chiến tranh nhân dân.
- B. đi từ đấu tranh chính trị đến khởi nghĩa vũ trang.
- C. từ nội chiến cách mạng tiến lên tổng khởi nghĩa.
- D. *đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa.*

**Câu 6.** Hai căn cứ địa cách mạng đầu tiên ở Việt Nam là

- A. *Bắc Sơn - Võ Nhai và Cao Bằng.*
- B. Cao Bằng và Lạng Sơn.
- C. Chiêm Hoá và Tân Trào.
- D. Lạng Sơn và Thái Nguyên.

**Câu 7.** Trong lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra chỉ thị

- A. thành lập Khu giải phóng Việt Bắc.
- B. “Sửa soạn khởi nghĩa”.
- C. “Toàn dân kháng chiến”.
- D. *“Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.*

**Câu 8.** Tháng 5/1945, đội “Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân” và “Việt Nam Cứu quốc quân” thống nhất thành?

- A. Quân đội nhân dân VN.
- B. Giải phóng quân.
- C. *VN giải phóng quân.*
- D. Quân giải phóng VN.

**Câu 9.** Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập tháng 6/1945 bao gồm các tỉnh nào?

- A. *Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên.*
- B. Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

C. Cao Bằng, Bắc Kạn, Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

D. Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Phú Thọ, Thái Nguyên.

**Câu 10.** Thời cơ "ngàn năm có một" của Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 được Đảng ta xác định tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. Quân Đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân Nhật

B. Nhật vào Đông Dương đến trước ngày Nhật đảo chính Pháp.

C. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

D. Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

**Câu 11.** Trong cách mạng tháng Tám/1945, 4 tỉnh giành chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong cả nước?

A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Sài Gòn

B. Quảng Ngãi, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Quảng Bình

C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

D. Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Bến Tre.

**Câu 12.** Những địa phương giành chính quyền muộn nhất cả nước (1945) là

A. Gia Định và Biên Hoà.

B. Đồng Nai Thượng và Hà Tiên.

C. Mỹ Tho và Hậu Giang.

D. Vĩnh Long và An Giang.

**Câu 13.** Sự kiện đánh dấu chế độ phong kiến ở Việt Nam sụp đổ hoàn toàn là

A. thắng lợi ở Hà Nội ngày 19/8/1945.

B. thắng lợi ở Huế ngày 23/8/1945.

C. thắng lợi ở Sài Gòn ngày 25/8/1945.

D. vua Bảo Đại thoái vị ngày 30/8/1945.

**Câu 14.** Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam là cuộc cách mạng

A. không mang tính bạo lực.

B. có tính dân chủ điển hình.

C. không mang tính cải lương.

D. chỉ mang tính chất dân tộc.

**Câu 15.** Lực lượng vũ trang có vai trò như thế nào trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Nòng cốt quyết định thắng lợi.

B. Quan trọng đưa đến thắng lợi.

C. Xung kích, hỗ trợ lực lượng chính trị.

D. Đông đảo, quyết định thắng lợi.

## **Bài 17: NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỰ SAU NGÀY 2/9/1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19/12/1946**

### **I. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945**

**1. Khó khăn:** quân đội đồng minh kéo vào

+ Miền Bắc, 20 vạn quân *Trung Hoa Dân quốc* (Quân Tưởng).

+ Miền Nam, *quân Anh*. Quân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam.

+ Cả nước còn 6 vạn *quân Nhật*.

+ Kinh tế: bị chiến tranh tàn phá kiệt quệ, nạn đói hoành hoành, tài chính trống rỗng.

+ Văn hóa: Trên 90% dân số mù chữ.

*(Khó khăn nguy hiểm nhất là cùng một lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù-giặc ngoại xâm. Trong đó kẻ thù nguy hiểm nhất là thực dân Pháp).*

### **2. Thuận lợi**

- Nhân dân ta giành được chính quyền, phấn khởi, quyết tâm bảo vệ chính quyền.

- Đảng, đứng đầu là CT Hồ Chí Minh lãnh đạo cách mạng.

- Hệ thống XHCN đang hình thành, phong trào gpdт phát triển mạnh, cổ vũ nhân dân ta.

### **II. Bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính**

#### **1. Xây dựng chính quyền cách mạng**

- Ngày 6/1/1946, cả nước tiến hành cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội=> 333 đại biểu.

- Ngày 9/11/1946, thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

#### **2. Giải quyết những khó khăn về kinh tế – tài chính và văn hoá – giáo dục**

##### **a. Nạn đói :**

- *Biện pháp trước mắt:* Tổ chức quyên góp, nhường cơm sẻ áo ...

- *Biện pháp lâu dài:* Tăng gia sản xuất.

##### **b. Nạn dốt:**

- *Biện pháp trước mắt:* lập “*Nha bình dân học vụ*” => cơ quan diệt giặc dốt.

- *Biện pháp lâu dài:* khai giảng các trường phổ thông và đại học, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục

##### **c. Tài chính:**

- *Biện pháp trước mắt*: kêu gọi đóng góp của nhân dân xây dựng “*Quỹ độc lập*”, “*Tuần lễ vàng*”.
- *Biện pháp lâu dài*: phát hành tiền Việt Nam.

### III. Đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản bảo vệ chính quyền cách mạng

#### 1. Kháng chiến chống Pháp quay trở lại xâm lược ở Miền Nam

- 23/9/1945, Pháp mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần 2.
- Nhân dân miền Nam đứng lên **chống Pháp** bằng mọi hình thức, mọi vũ khí (*đánh Pháp ở Nam Bộ-quan hệ Việt Pháp thời kì này là đối đầu trực tiếp bằng quân sự*).

#### 2. Đấu tranh với quân Tưởng và bọn phản cách mạng ở miền Bắc

- *Chủ trương của Đảng: hoà hoãn, tránh xung đột trực tiếp với quân Trung Hoa Dân quốc.*
- *Biện pháp đối phó*
  - + Với quân Trung Hoa Dân quốc: nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi kinh tế, cung cấp một phần lương thực, thực phẩm...
  - + Với tay sai của chúng: nhường 70 ghế trong quốc hội, 4 ghế bộ trưởng, 1 ghế phó chủ tịch nước cho Nguyễn Hải Thần.
  - + Với các tổ chức phản CM, tay sai: trừng trị theo pháp luật.
- *Ý nghĩa* :
  - + Hạn chế thấp nhất các hoạt động chống phá của Tưởng.
  - + Làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.
  - + Tránh được xung đột vũ trang cùng một lúc với nhiều kẻ thù.

#### 3. Hoà hoãn với Pháp nhằm gạt Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta

- 28/2/1946: Hiệp ước Hoa – Pháp → Đặt Việt Nam trước hai sự lựa chọn: một là đánh Pháp, hai là hòa hoãn, nhân nhượng với Pháp.
- 3/3/1946, Trung ương Đảng họp do Hồ Chí Minh chủ trì đã chọn giải pháp “*hòa để tiến*”.
- Ngày 6/3/1946, Hồ Chí Minh đã kí với đại diện chính phủ Pháp Xanh-tơ-ni bản *Hiệp định Sơ bộ*.
- *Nội dung Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946)*:
  - + Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia **tự do** nằm trong Khối liên hiệp Pháp.
  - + Chính phủ Việt Nam cho Pháp đem 15.000 quân ra miền Bắc thay quân Tưởng và phải rút dần trong thời hạn 5 năm.
  - + Hai bên ngừng xung đột vũ trang giữ nguyên quân đội tại vị trí cũ.
- *Ý nghĩa của Hiệp định Sơ bộ*:
  - + Đẩy nhanh 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta.
  - + Tránh được cuộc chiến đấu bất lợi cho ta.
  - + Tạo thời gian hòa bình để chuẩn bị kháng chiến lâu dài về sau
- 14/9/1946, Hồ Chí Minh đã kí với chính phủ Pháp bản **Tam ước** nhường thêm cho Pháp một số quyền lợi **kinh tế, văn hóa** tạo thêm thời gian hòa bình để chuẩn bị lực lượng.

#### **Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội Đồng minh nào vào nước ta ?

- A. Anh, Mĩ. B. Anh, Trung Hoa dân quốc.  
C. Trung Hoa Dân quốc. D. Liên Xô, Trung Quốc.

**Câu 2.** Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, khó khăn **nguy hiểm nhất** của nước ta là

- A. nạn đói tiếp tục đe dọa đời sống của nhân dân. B. tệ nạn xã hội, 90% dân số mù chữ.  
C. chính quyền cách mạng còn non trẻ. D. giặc ngoại xâm, nội phản phá hoại.

**Câu 3.** Nội dung nào sau đây **không** phải là yếu tố thuận lợi của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ?

- A. Quân Đồng minh tiến vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật.  
B. Nhân dân ta giành được chính quyền nên phấn khởi và gắn bó với chế độ.  
C. Cách mạng nước ta có Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.  
D. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới nổ ra mạnh mẽ.

**Câu 4.** Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã đề ra những biện pháp **cấp thời** gì nhằm giải quyết nạn đói?

- A. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo.  
B. Tăng gia sản xuất, giảm tô thuế, chia ruộng đất công.

C. Tổ chức quyên góp, điều hoà thóc gạo, nghiêm trị nạn đầu cơ.

D. Thực hiện cách mạng ruộng đất, làm cho người cày có ruộng.

**Câu 5.** Để giải quyết **căn bản** nạn đói, chủ tịch Hồ Chí Minh và chính phủ đã kêu gọi nhân dân

A. tăng gia sản xuất.

B. nhường cơm sẻ áo.

C. tổ chức “ngày đồng tâm”.

D. lập “hũ gạo cứu đói”.

**Câu 6.** Để khắc phục tình trạng trống rỗng về tài chính, năm 1945 Chính phủ đã

A. phát động tăng gia sản xuất.

B. phát động “*Quyết độc lập*”, “*tuần lễ vàng*”.

C. phát động phong trào « nhường cơm sẻ áo ».

D. phát động ngày đồng tâm.

**Câu 7.** Cơ quan chuyên trách chống “giặc đói” được thành lập theo sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (8/9/1945) là

A. Nha Bình dân học vụ.

B. Trường Quốc học.

C. trường học các cấp.

D. Hội khuyến học Việt Nam.

**Câu 8.** Nhằm đối phó với âm mưu của Trung Hoa Dân quốc và tay sai của chúng, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương

A. cô lập cao độ, nhưng tránh xung đột.

B. liên kết với các nước Đồng minh để đối phó.

C. tạm thời hoà hoãn, nhân nhượng và tránh xung đột.

D. trấn áp tất cả những hành động của kẻ thù.

**Câu 9.** Theo Hiệp định Sơ bộ (1946), Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam DCCCH là một quốc gia

A. tự do.

B. độc lập.

C. thống nhất.

D. có chủ quyền.

**Câu 10.** Trong bối cảnh Hiệp ước Pháp-Hoa được kí kết, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương gì ?

A. Hòa với Pháp để tiên đánh quân Trung Hoa dân quốc.

B. Hòa hoãn và nhân nhượng có nguyên tắc với thực dân Pháp.

C. Phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

D. Chiến đấu chống Pháp và quân Trung Hoa dân quốc.

**Câu 11.** Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) có tác dụng như thế nào ?

A. Chuyển quan hệ Việt Nam và Pháp từ đối đầu sang đối thoại.

B. Tạo thời gian hòa bình để Việt Nam tổ chức bầu cử.

C. Giúp Việt Nam ngăn chặn được mọi nguy cơ xung đột với Pháp.

D. Thể hiện thiện chí hòa bình của hai chính phủ Việt Nam và Pháp.

**Câu 12.** Với Tạm ước 14/9/1946 ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp những quyền lợi về

A. kinh tế và văn hoá.

B. kinh tế và ngoại giao.

C. chính trị và quân sự.

D. kinh tế và quân sự.

**Câu 13.** Bài học kinh nghiệm từ việc kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 được Đảng ta vận dụng như thế nào trong chính sách đối ngoại hiện nay ?

A. Lợi dụng sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế.

B. Kiên trì trong đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia.

C. Sự đồng thuận trong việc giải quyết tranh chấp.

D. Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

**Câu 14.** Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương 21-7-1954 là gì?

A. Đảm bảo giành thắng lợi từng bước.

B. Đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng.

C. Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

D. Không vi phạm chủ quyền quốc gia.

Học sinh trả lời trắc nghiệm bằng cách chọn và tô kín một ô tròn trên **Phiếu trả lời trắc nghiệm** tương ứng với phương án trả lời đúng của mỗi câu.

Mã đề 534

Họ và tên học sinh: .....Lớp:.....

Số báo danh:.....Phòng thi: .....Trường THPT:.....

**Câu 1:** Nội dung nào sau đây **không** có ở những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN ?

- A. Nguyên tắc nhất trí giữa năm nước thành viên sáng lập ASEAN.
- B. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
- C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

**Câu 2:** Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, tiến hành hợp tác quốc tế là mục đích chính của tổ chức

- A. Liên minh châu Âu.
- B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- C. Liên hợp quốc.
- D. Thương mại thế giới.

**Câu 3:** I.Gagarin (Liên Xô) là người đầu tiên trên thế giới thực hiện thành công

- A. hành trình chinh phục Mặt Trăng.
- B. chuyến bay vòng quanh Trái Đất.
- C. hành trình khám phá Sao Hỏa.
- D. kế hoạch thám hiểm Sao Mộc.

**Câu 4:** Năm 1993, Cộng đồng châu Âu (EC) chính thức mang tên mới là Liên minh châu Âu (EU) với mục tiêu đẩy mạnh hợp tác, liên minh giữa các nước thành viên trong các lĩnh vực

- A. kinh tế, tiền tệ, quân sự.
- B. kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh chung.
- C. kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật.
- D. kinh tế, chính trị, văn hóa.

**Câu 5:** Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô là

- A. đối tác.
- B. hợp tác.
- C. đồng minh.
- D. đối đầu.

**Câu 6:** Ngày 08- 8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào ?

- A. Đa cực, nhiều trung tâm.
- B. Hòa hoãn Đông Tây.
- C. Toàn cầu hóa.
- D. Liên kết khu vực.

**Câu 7:** Chính sách đối ngoại nhất quán của Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

- A. triển khai chiến lược toàn cầu, thiết lập trật tự “đơn cực” để bá chủ thế giới.
- B. ngăn chặn tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
- C. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.
- D. khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.

**Câu 8:** Phong trào đấu tranh được coi là “lá cờ đầu” của cách mạng Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là cách mạng

- A. Côlômbia.
- B. Cuba.
- C. Mêhicô.
- D. Vê-nê-xuê-la.

**Câu 9:** Thành tựu khoa học - kỹ thuật nổi bật nhất của Mỹ ở lĩnh vực chinh phục vũ trụ đó là nước đầu tiên trên thế giới đã

- A. phóng tàu vũ trụ đưa con người khám phá Sao Hỏa.
- B. phóng phi thuyền đưa con người lên Mặt Trăng.
- C. phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
- D. phóng tàu vũ trụ đưa con người bay vòng quanh Trái Đất.

**Câu 10:** Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ đã tiến hành cuộc

- A. “cách mạng chất xám”.                      B. “cách mạng xanh”.  
C. “cách mạng khoa học - kĩ thuật”.        D. “cách mạng trắng”.

**Câu 11:** Cơ quan tuyên truyền của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là tờ báo

- A. Tuổi trẻ.                      B. Thanh niên.                      C. Tiền phong.                      D. Tin tức.

**Câu 12:** Tổ chức cách mạng được lịch sử đánh giá là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. Tân Việt Cách mạng đảng.                      B. Việt Nam Quốc dân đảng.  
C. Việt Nam nghĩa đoàn.                      D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 13:** Công lao to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc Việt Nam thời kỳ 1919 - 1925 là

- A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.  
B. truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào trong nước.  
C. đưa cách mạng Việt Nam thành một bộ phận của cách mạng thế giới.  
D. tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho nhân dân Việt Nam.

**Câu 14:** Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (02-1930) là hoạt động nổi bật của tổ chức

- A. Việt Nam Quốc dân đảng.                      B. Tâm tâm xã.  
C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.        D. Hội Phục Việt.

**Câu 15:** Sự kiện lịch sử được Nguyễn Ái Quốc đánh giá “như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân” là

- A. tổ chức Tâm tâm xã được thành lập ở Quảng Châu.  
B. Phan Châu Trinh viết “Thất điều thư” vạch ra 7 tội đáng chém của Khải Định.  
C. cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Nguyễn Thái Học lãnh đạo.  
D. Phạm Hồng Thái mưu sát Toàn quyền Đông Dương Méc-lanh.

**Câu 16:** Tháng 9 -1927, Chi bộ đầu tiên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Đà Nẵng được thành lập, người đảm nhận cương vị bí thư lúc đó là

- A. Huỳnh Ngọc Huệ.                      B. Lê Văn Hiến.                      C. Đỗ Quang.                      D. Thái Thị Bôi.

**Câu 17:** Cuộc đấu tranh đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. cuộc bãi công của công nhân nhà máy rượu Hà Nội (1924).  
B. đấu tranh của công nhân, viên chức Bắc Kỳ (1922).  
C. cuộc bãi công của công nhân Ba Son (1925).  
D. đấu tranh của công nhân xe lửa Trường Thi (1929).

**Câu 18:** Cho các sự kiện sau:

1. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
2. An Nam Cộng sản đảng.
3. Đông Dương Cộng sản đảng.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian xuất hiện 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam vào năm 1929.

- A. 1, 3, 2.                      B. 1, 2, 3.                      C. 3, 2, 1.                      D. 2, 3, 1.

**Câu 19:** Những người sáng lập ra tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là

- A. Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu.                      B. Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính.  
C. Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh.        D. Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu.

**Câu 20:** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào trong xã hội **không** thể tham gia vào phong trào cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam ?

- A. Công nhân, nông dân.                      B. Đại địa chủ, tư sản mại bản.  
C. Trung, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc.        D. Tiểu tư sản, trí thức.

**Câu 21:** Trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925, phong trào “chấn hưng nội hóa”, “bài trừ ngoại hóa” là hoạt động của giai cấp

- A. nông dân.                      B. công nhân.                      C. tư sản.                      D. tiểu tư sản.

**Câu 22:** “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản”, đây là kết luận của Nguyễn Ái Quốc sau khi Người

- A. đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin.  
B. gia nhập Đảng Xã hội Pháp.  
C. bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản.  
D. đọc tham luận tại Hội nghị Quốc tế Nông dân.

**Câu 23:** Các văn kiện nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam ?

- A. Bản án chế độ thực dân Pháp, báo Người cùng khổ.  
B. Con rồng tre, Yêu sách của nhân dân An Nam.  
C. Báo Thanh niên, tác phẩm Đường Kách mệnh.  
D. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.

**Câu 24:** Cơ sở hạt nhân đầu tiên của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng xuất phát từ một nhà xuất bản tiến bộ

- A. Nam đồng thư xã.                      B. Cường học thư xã.  
C. Quan hải tùng thư.                      D. Tự lực văn đoàn

**Câu 25:** Trong quá trình hoạt động, đến năm 1929, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bị phân hóa thành

- A. Việt Nam Quốc dân đảng, Tân Việt Cách mạng đảng.  
B. Tân Việt Cách mạng đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.  
C. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.  
D. Tâm tâm xã, Cộng sản đoàn.

**Câu 26:** Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 phản ánh xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo con đường

- A. cách mạng tư sản.                      B. cách mạng tư sản dân quyền.  
C. cách mạng vô sản.                      D. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

**Câu 27:** Nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là

- A. coi trọng quan hệ với Tây Âu.                      B. thực hiện chiến lược toàn cầu.  
C. tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á.                      D. luôn liên minh chặt chẽ với Mỹ.

**Câu 28:** Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (06-01-1930) với cương vị là phái viên của

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.                      B. Đảng Cộng sản Pháp.  
C. Quốc tế Cộng sản.                      D. Cộng sản đoàn.

**Câu 29:** Xu thế toàn cầu hoá trên thế giới là hệ quả của

- A. quá trình thống nhất thị trường thế giới.                      B. sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia.  
C. sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế.                      D. cuộc cách mạng khoa học-công nghệ.

**Câu 30:** Những tờ báo tiếng Pháp của tiểu tư sản trí thức ra đời trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam (1919 - 1925) là

- A. Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê.                      B. Thanh niên, Tuổi trẻ.  
C. Người cùng khổ, Nhân đạo.                      D. Búa liềm, Tiếng Dân, Nhân dân.

**Câu 31:** Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của các nhân tố nào dưới đây ?

- A. Chủ nghĩa Mác-Lê nin với phong trào yêu nước và phong trào công nhân.  
B. Chủ nghĩa Mác-Lê nin với phong trào yêu nước.  
C. Chủ nghĩa Mác-Lê nin với phong trào công nhân.  
D. Chủ nghĩa Mác-Lê nin với phong trào đấu tranh của nhân dân.





ĐỀ CHÍNH THỨC

Học sinh trả lời trắc nghiệm bằng cách chọn và tô kín một ô tròn trên **Phiếu trả lời trắc nghiệm** tương ứng với phương án trả lời đúng của mỗi câu.

Mã đề 534

Họ và tên học sinh: .....Lớp:.....

Số báo danh:.....Phòng thi: .....Trường THPT:.....

**Câu 1:** Tổ chức liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mỹ đứng đầu nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là

- A. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.      B. Tổ chức Liên minh vì tiến bộ.  
C. Cộng đồng châu Âu.      D. Tổ chức Hiệp ước Vácava.

**Câu 2:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới mới được hình thành thường được gọi là

- A. trật tự đơn cực.      B. trật tự hai cực Ianta.  
C. trật tự Vécxai - Oasinhton.      D. trật tự đa cực, đa trung tâm.

**Câu 3:** Thành tựu nổi bật về khoa học - kĩ thuật của Liên Xô trong thập kỉ 60 của thế kỉ XX là

- A. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.      B. đưa con người lên Mặt Trăng.  
C. đưa con người bay vòng quanh Trái Đất.      D. chế tạo thành công bom nguyên tử.

**Câu 4:** Trong lĩnh vực nông nghiệp, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực nhờ tiến hành

- A. cuộc “cách mạng khoa học - kĩ thuật”.      B. cuộc “cách mạng xanh”.  
C. cuộc “cách mạng trắng”.      D. cuộc “cách mạng chất xám”.

**Câu 5:** Hiệp ước nào dưới đây đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa hai nước Mỹ - Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai ?

- A. Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô.      B. Hiệp ước thân thiện và hợp tác.  
C. Hiệp ước Maxtrích.      D. Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật.

**Câu 6:** Yếu tố nào tác động đến sự thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mỹ khi bước sang thế kỉ XXI ?

- A. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.      B. Chủ nghĩa li khai.  
C. Chủ nghĩa khủng bố.      D. Sự suy thoái về kinh tế.

**Câu 7:** Cơ quan giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới của tổ chức Liên hợp quốc là

- A. Đại hội đồng.      B. Hội đồng Bảo an.      C. Tòa án Quốc tế.      D. Ban Thư kí.

**Câu 8:** Nội dung nào **không** phải là quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2 - 1945) ?

- A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.  
B. Thành lập Khối Đồng minh chống phát xít.  
C. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.  
D. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

**Câu 9:** Sự kiện quốc tế có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của phong trào dân tộc dân chủ Việt Nam trong thời kì 1919 - 1925 là

- A. Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập năm 1921.  
B. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc năm 1918.  
C. thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.  
D. Đảng Cộng sản Pháp thành lập năm 1920.

**Câu 10:** Nội dung nào **không** phải là nguyên tắc cơ bản trong Hiệp ước Bali ?

- A. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.  
B. Không thử hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân.  
C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.  
D. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

**Câu 11:** Trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, số vốn đầu tư nhiều nhất của thực dân Pháp là vào lĩnh vực

- A. nông nghiệp.      B. công nghiệp.      C. thương nghiệp.      D. công nghiệp nặng.

**Câu 12:** “Việt Nam nghĩa đoàn”, “Hội Phục Việt”, “Đảng Thanh niên” là những tổ chức chính trị của giai cấp, tầng lớp

- A. công nhân.      B. tư sản dân tộc.      C. tiểu tư sản trí thức.      D. nông dân.

**Câu 13:** Giữa tháng 8 - 1945, nhân dân Đông Nam Á đứng lên đấu tranh, nhiều nước đã giành được độc lập khi biết tận dụng thời cơ

- A. quân phiệt Nhật Bản đầu hàng Đồng minh.      B. thực dân Âu - Mỹ tái chiếm Đông Nam Á.  
C. phát xít Đức đầu hàng Đồng minh.      D. phát xít Italia đầu hàng Đồng minh.

**Câu 14:** Nhân tố chủ yếu chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX là

- A. cục diện chiến tranh lạnh.  
B. xu thế toàn cầu hóa.  
C. sự ra đời của các tổ chức liên kết khu vực.  
D. sự hình thành xu hướng “đa cực”, nhiều trung tâm.

**Câu 15:** Ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới xuất hiện vào đầu thập niên 70 của thế kỉ XX đó là

- A. Đức, Italia, Nhật.      B. Anh, Pháp, Mĩ.  
C. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc.      D. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.

**Câu 16:** Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (5 - 1941) xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở nước ta là

- A. tiến hành tổng tiến công và nổi dậy trên cả nước.  
B. đi từ đấu tranh chính trị tiến lên khởi nghĩa vũ trang.  
C. kết hợp đấu tranh chính trị với khởi nghĩa vũ trang.  
D. đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

**Câu 17:** Sự kiện nào dưới đây đánh dấu khuynh hướng cách mạng vô sản đã giành quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam ?

- A. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản.  
B. Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hóa.  
C. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.  
D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời.

**Câu 18:** Luận cương chính trị (10-1930) của Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định động lực của cách mạng là

- A. công nhân, nông dân, trí thức.      B. công nhân, nông dân.  
C. nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.      D. nông dân, công nhân, tiểu tư sản, trí thức.

**Câu 19:** Sự kiện đánh dấu hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước trở thành chiến sĩ cộng sản là khi Người

- A. tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12 - 1920).  
B. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vecxai (1919).  
C. đọc Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin (7 - 1920).  
D. thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa (1921).

**Câu 20:** Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7 - 1935) xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là

- A. chủ nghĩa thực dân cũ.      B. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.  
C. chủ nghĩa đế quốc, thực dân.      D. chủ nghĩa phát xít.

**Câu 21:** Phong trào cách mạng có ý nghĩa là cuộc tập dượt lần thứ hai của Đảng và quần chúng nhân dân cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám là

- A. phong trào cách mạng 1930 - 1931.      B. phong trào dân tộc dân chủ 1925 - 1930.  
C. phong trào dân tộc dân chủ 1919 - 1925.      D. phong trào dân chủ 1936 - 1939.

**Câu 22:** Con đường cách mạng giải phóng dân tộc mà Nguyễn Ái Quốc lựa chọn vào tháng 7 -1920

là con đường cách mạng

- A. dân chủ tư sản kiểu mới.    B. tư sản.    C. tư sản dân quyền.    D. vô sản.

**Câu 23:** Cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc sáng lập là tờ báo

- A. Sự thật.    B. Nhân dân.    C. Nhân đạo.    D. Người cùng khổ.

**Câu 24:** Tổ chức Cộng sản ra đời đầu tiên ở Việt Nam trong năm 1929 là

- A. Đông Dương Cộng sản Đảng.    B. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.  
C. An Nam Cộng sản Đảng.    D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 25:** Trong quá trình hoạt động, đến năm 1929, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bị phân hóa thành

- A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.  
B. Việt Nam Quốc dân đảng, Tân Việt Cách mạng đảng.  
C. Tâm tâm xã, Cộng sản đoàn.  
D. Tân Việt Cách mạng đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

**Câu 26:** Việt Nam Quốc dân đảng là một chính đảng cách mạng theo khuynh hướng cách mạng

- A. dân chủ tư sản.    B. xã hội chủ nghĩa.    C. vô sản.    D. tư sản kiểu mới.

**Câu 27:** Dự Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản có các đại biểu đại diện cho các tổ chức

- A. Tân Việt Cách mạng đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.  
B. Tâm tâm xã, Cộng sản đoàn.  
C. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, Việt Nam Quốc dân đảng.  
D. Đông Dương Cộng sản đảng, An nam Cộng sản đảng.

**Câu 28:** So với phong trào cách mạng 1930 - 1931, điểm khác biệt chủ yếu về phương pháp đấu tranh của phong trào dân chủ 1936 - 1939 là

- A. kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.  
B. kết hợp đấu tranh nghị trường và đấu tranh trên mặt trận.  
C. kết hợp đấu tranh ngoại giao với vận động quần chúng.  
D. kết hợp đấu tranh công khai và nửa công khai.

**Câu 29:** Mặt trận nào có vai trò quan trọng nhất trong quá trình chuẩn bị trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ?

- A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.    B. Mặt trận Việt Minh.  
C. Mặt trận Liên Việt.    D. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

**Câu 30:** Tổ chức nào dưới đây hoạt động theo khuynh hướng cách mạng vô sản sớm nhất ở Việt Nam?

- A. An Nam Cộng sản đảng.    B. Đông Dương Cộng sản đảng.  
C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.    D. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

**Câu 31:** Cho các sự kiện sau:

1. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

2. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội Tua, bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

3. Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin.

4. Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên cho đúng với trình tự thời gian.

- A. 1, 2, 3, 4.    B. 4, 2, 1, 3.    C. 4, 3, 2, 1.    D. 1, 3, 2, 4.

**Câu 32:** “*Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta*”. Nguyễn Ái Quốc đưa ra lời nhận định trên xuất phát từ cảm xúc khi Người

A. đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin.

B. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai (1919).

C. đọc tham luận tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp.

D. đọc tham luận tại Hội nghị Quốc tế Nông dân.

**Câu 33:** Phong trào cách mạng 1930 - 1931 đạt đỉnh cao qua

- A. đấu tranh của công nhân ở Vinh - Bến Thủy.

- B. việc thành lập Xô viết Nghệ - Tĩnh.
- C. cuộc biểu tình của nông nhân huyện Hưng Nguyên.
- D. đấu tranh biểu tình tiến lên khởi nghĩa vũ trang.

**Câu 34:** Tổ chức vũ trang được lịch sử đánh giá là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam ngày nay là

- A. Quân đội Quốc gia Việt Nam.
- B. Trung đội Cứu quốc quân.
- C. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.
- D. Việt Nam Giải phóng quân.

**Câu 35:** Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh quyết định Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc vào tháng 8 - 1945 dựa trên điều kiện khách quan thuận lợi đó là khi quân Nhật

- A. đảo chính Pháp.
- B. đầu hàng Đồng minh.
- C. độc chiếm Đông Dương.
- D. thất bại ở châu Á Thái Bình Dương.

**Câu 36:** Khẩu hiệu nào được Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra trong chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ?

- A. Đánh đuổi Pháp - Nhật.
- B. Đánh đuổi thực dân Pháp.
- C. Đánh đuổi phát xít Nhật.
- D. Đánh đuổi đế quốc và tay sai.

**Câu 37:** Bài học kinh nghiệm nào của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cũng là vấn đề có ý nghĩa thời sự trong công cuộc đổi mới của nước ta hiện nay ?

- A. Linh hoạt trong việc kết hợp các hình thức, phương pháp đấu tranh.
- B. Dự đoán tình hình, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức.
- C. Tập hợp mọi lực lượng yêu nước, phân hóa, cô lập kẻ thù.
- D. Xây dựng khối liên minh công nông vững chắc.

**Câu 38:** Người chủ trì và soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng trong Hội nghị thành lập Đảng (1 - 1930) là

- A. Phan Đăng Lưu.
- B. Nguyễn Văn Cừ.
- C. Nguyễn Ái Quốc.
- D. Nguyễn Đức Cảnh.

**Câu 39:** Điểm chung của Hội nghị tháng 11 - 1939 và Hội nghị tháng 5 - 1941 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện ở nội dung trọng tâm nào ?

- A. Nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc.
- B. Thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- C. Thực hiện khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”.
- D. Thành lập Chính phủ dân chủ Cộng hòa.

**Câu 40:** Trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới được thể hiện qua

- A. Chiến khu Việt Bắc.
- B. Căn cứ địa Việt Bắc.
- C. Căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai.
- D. Khu giải phóng Việt Bắc.

---- HẾT---

ĐỀ CHÍNH THỨC

Học sinh làm Phần trắc nghiệm bằng cách chọn và tô kín một ô tròn trên **Phiếu trả lời trắc nghiệm** tương ứng với phương án trả lời đúng của mỗi câu hỏi và làm Phần tự luận trên **giấy kiểm tra**.

Họ và tên học sinh: .....Lớp:.....

Số báo danh: .....Phòng thi:..... Trường:.....

Mã đề 525

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1:** Trong thời gian từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại nào sau đây?

- A. Tăng cường quan hệ với Tây Âu.  
B. Bảo vệ hoà bình thế giới.  
C. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.  
D. Hoà bình, trung lập tích cực.

**Câu 2:** Năm 1945, nước nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á giành được độc lập dân tộc?

- A. Mianma.  
B. Campuchia.  
C. Việt Nam.  
D. Philippin.

**Câu 3:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi bùng nổ và giành thắng lợi sớm nhất ở khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Phi.  
B. Tây Phi.  
C. Nam Phi.  
D. Đông Phi.

**Câu 4:** Với cuộc "cách mạng chất xám", nước nào sau đây trở thành một trong những nước sản xuất công nghệ phần mềm lớn nhất thế giới?

- A. Mỹ.  
B. Trung Quốc.  
C. Ấn Độ.  
D. Hàn Quốc.

**Câu 5:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào sau đây khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại?

- A. Mỹ.  
B. Pháp.  
C. Liên Xô.  
D. Nhật Bản.

**Câu 6:** Nội dung nào sau đây là hệ quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra từ nửa sau thế kỉ XX?

- A. Xu thế toàn cầu hóa.  
B. Xu thế hòa hoãn Đông Tây.  
C. Xu thế liên kết khu vực.  
D. Xu thế đa cực, nhiều trung tâm.

**Câu 7:** Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, Mỹ muốn thiết lập một trật tự thế giới như thế nào?

- A. Hai cực.  
B. Đơn cực.  
C. Một cực nhiều trung tâm.  
D. Đa cực nhiều trung tâm.

**Câu 8:** Từ những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu có biểu hiện nào sau đây?

- A. Suy thoái.  
B. Trì trệ.  
C. Khủng hoảng.  
D. Phát triển.

**Câu 9:** Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo nào sau đây?

- A. An Nam trẻ.  
B. Thanh niên.  
C. Chuông rè.  
D. Người cùng khổ.

**Câu 10:** Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thực hiện chủ trương nào sau đây?

- A. Tư sản hóa.  
B. Vô sản hóa.  
C. Toàn cầu hóa.  
D. Cách mạng văn hóa.

**Câu 11:** Nội dung nào sau đây thể hiện tư tưởng cốt lõi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (đầu năm 1930) do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo?

- A. Độc lập và tự do.  
B. Độc lập và dân chủ.  
C. Dân chủ và tự do.  
D. Hoà bình và ruộng đất.

**Câu 12:** Trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh đã thực hiện chính sách nào sau đây?

- A. Chú trọng phát triển công nghiệp nặng.  
B. Mở lớp dạy chữ Quốc ngữ.  
C. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.  
D. Phát triển kinh tế hàng hóa.

**Câu 13:** Trong cao trào kháng Nhật cứu nước (từ tháng 3 đến giữa tháng 8-1945), ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ đã diễn ra phong trào nào sau đây?

- A. Đông Dương Đại hội.  
B. Chống độc quyền cảng Sài Gòn.  
C. Chống thuế, chống bắt phu.  
D. Phá kho thóc, giải quyết nạn đói.

**Câu 14:** Tháng 9 năm 1940, quân đội nước nào sau đây kéo vào đánh chiếm Đông Dương?

- A. Đức.  
B. Mỹ.  
C. Nhật Bản.  
D. Anh.

**Câu 15:** Ngày 22 - 12 - 1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, tổ chức nào sau đây được thành lập?

- A. Quân đội Quốc gia Việt Nam.  
B. Việt Nam Giải phóng quân.  
C. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.  
D. Đội du kích Bắc Sơn.

**Câu 16:** Nội dung nào sau đây không thuộc về quá trình chuẩn bị trực tiếp của Đảng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ?

A. Xây dựng chính quyền mới.

B. Xây dựng lực lượng vũ trang.

C. Xây dựng lực lượng chính trị.

D. Xây dựng căn cứ địa cách mạng.

**Câu 17:** Quyết định nào sau đây của Hội nghị Ianta (2 –1945) gây khó khăn cho cách mạng Việt Nam?

A. Liên Xô tham chiến chống Nhật Bản ở châu Á.

B. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

C. Thống nhất mục tiêu chung là tiêu diệt phát xít Đức và quân phiệt Nhật Bản.

D. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

**Câu 18:** Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là liên minh chặt chẽ với nước nào?

A. Trung Quốc.

B. Liên Xô.

C. Mĩ.

D. Ấn Độ.

**Câu 19:** Tháng 8 năm 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh khu vực và quốc tế như thế nào?

A. Đối đầu căng thẳng.

B. Đối thoại và hợp tác.

C. Xuất hiện xu thế hòa hoãn Đông Tây.

D. Xuất hiện xu thế toàn cầu hóa.

**Câu 20:** Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, quan hệ Liên Xô – Mĩ chuyển sang thế đối đầu do nguyên nhân nào sau đây?

A. Liên Xô có nhiều hành động chống phá Mĩ và đồng minh.

B. Hệ thống tư bản chủ nghĩa đứng trước nguy cơ bị tấn công.

C. Sự tương đồng về mục tiêu và chiến lược phát triển giữa hai cường quốc.

D. Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược phát triển giữa hai cường quốc.

**Câu 21:** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam?

A. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

C. Tìm thấy và lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn.

D. Chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng.

**Câu 22:** Trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào đã vươn lên thành động lực của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại?

A. Nông dân.

B. Công nhân.

C. Tư sản dân tộc.

D. Trí thức tiểu tư sản.

**Câu 23:** Tổ chức nào sau đây giúp cho khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam trong những năm 1925 - 1930?

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

B. Việt Nam Quốc dân đảng.

C. Tân Việt Cách mạng đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng.

**Câu 24:** Cuộc khởi nghĩa nào dưới đây thất bại đã chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam?

A. Khởi nghĩa Ba Tơ.

B. Khởi nghĩa Nam Kỳ.

C. Khởi nghĩa Bắc Sơn.

D. Khởi nghĩa Yên Bái.

**Câu 25:** Nội dung nào dưới đây là điểm khác nhau giữa Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương với Cương lĩnh chính trị đầu tiên (đầu năm 1930) của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Xác định phương pháp đấu tranh.

B. Chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng.

C. Đề ra phương hướng chiến lược.

D. Xác định giai cấp lãnh đạo.

**Câu 26:** Phong trào cách mạng 1936 -1939 ở Việt Nam có tính chất nổi trội nào sau đây?

A. Dân chủ.

B. Dân tộc.

C. Duy tân.

D. Cải cách.

**Câu 27:** Yếu tố nào sau đây tác động đến sự chuyển hướng đấu tranh của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11-1939?

A. Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.

B. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

C. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

D. Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương.

**Câu 28:** Tổ chức mặt trận nào dưới đây có vai trò quan trọng nhất trong quá trình chuẩn bị trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Mặt trận Dân chủ.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Mặt trận Việt Minh.

D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

### PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

**Câu 1 (2,0 điểm):** Phân tích sự phân hóa giai cấp xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Vì sao có sự phân hóa đó?

**Câu 2 (1,0 điểm):** Trình bày và nhận xét vấn đề lực lượng cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (đầu năm 1930) do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

----- HẾT -----